



**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16 81/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao bổ sung, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 và điều chỉnh kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2024 của bộ, cơ quan trung ương và địa phương**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 06 năm 2019 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 72/2020/QH14 và Luật số 03/2022/QH15;*

*Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội: số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; số 69/2022/QH15 ngày 11 tháng 11 năm 2022 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; số 93/2023/QH15 ngày 22 tháng 6 năm 2023 về phân bổ vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 và phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2023 của các Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1321/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 12 năm 2024 về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương.*

*Căn cứ Kết luận số 1125/KL-UBTVQH15 ngày 13 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương;*

*Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 954/TTr-BKHĐT ngày 18 tháng 12 năm 2024,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 – 2025 và năm 2024 giữa các bộ, cơ quan trung ương và địa phương

1. Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 của Bộ Xây dựng để điều chỉnh tăng tương ứng kế hoạch

đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để thực hiện các dự án tại Phụ lục kèm theo.

2. Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn năm 2024 của Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc để điều chỉnh tăng tương ứng kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn năm 2024 của Thành phố Hà Nội để thực hiện các dự án tại Phụ lục kèm theo.

3. Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn năm 2024 của Bộ Khoa học và công nghệ để điều chỉnh tăng tương ứng kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và các địa phương để thực hiện các dự án tại Phụ lục kèm theo.

**Điều 2.** Giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các nhiệm vụ, dự án trong nội bộ của bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

1. Giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 từ nguồn dự phòng của Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho tỉnh Bình Phước tại Phụ lục kèm theo.

2. Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 của các nhiệm vụ, dự án đã được giao kế hoạch đầu tư công trung hạn để điều chỉnh tăng tương ứng kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các nhiệm vụ, dự án trong nội bộ của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương tại Phụ lục kèm theo.

**Điều 3.** Triển khai thực hiện:

1. Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương căn cứ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 được điều chỉnh, danh mục nhiệm vụ, dự án và mức vốn ngân sách trung ương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 được giao tại Điều 1, Điều 2 Quyết định này:

a) Thông báo hoặc quyết định giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn năm 2024 cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc, bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công, các Nghị quyết của Quốc hội, đúng mục đích, hiệu quả.

b) Có trách nhiệm hoàn thành các nhiệm vụ, dự án điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025, bảo đảm đúng thời gian theo quy định của Luật Đầu tư công; không đề xuất cấp có thẩm quyền bổ sung thêm vốn ngân sách trung ương cho các nhiệm vụ, dự án đã điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025. Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình có trách nhiệm tự cân đối bố trí vốn để thu hồi toàn bộ số vốn ứng trước còn lại theo đúng quy định tại Nghị quyết số 93/2023/QH15 ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội.

c) Chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và cơ quan liên quan về tính chính xác của các nội dung, số liệu báo cáo, danh mục dự án và mức vốn bố trí cho từng dự án bảo đảm đúng quy định của pháp luật; chống tiêu cực, tham nhũng, lợi ích nhóm, xin cho.

2. Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao về quản lý nhà nước đối với đầu tư công chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và cơ quan liên quan về tính chính xác của các nội dung, số liệu báo cáo, bảo đảm đúng quy định của pháp luật; theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này; có trách nhiệm kiểm soát việc cân đối kế hoạch đầu tư công trung hạn để thu hồi vốn ứng trước theo đúng quy định tại Nghị quyết số 93/2023/QH15 ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội.

**Điều 4.** Thời hạn báo cáo kết quả thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

1. Báo cáo việc thông báo hoặc quyết định giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 10 tháng 01 năm 2025.

2. Thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, Nghị quyết của Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ có liên quan.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các cơ quan liên quan được giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này././

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Thủ tướng, các PTTgCP;
- Các Bộ: KHĐT, TC;
- HĐND, UBND các tỉnh nêu tại Điều 5;
- Đoàn ĐBQH các tỉnh nêu tại Điều 5;
- Văn phòng Quốc hội;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Kiểm toán Nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: TH, TKBT, NN, CN, QHQT, QHĐP;
- Lưu: Văn thư, KTTT (3b) 70

**THỦ TƯỚNG**



**Phạm Minh Chính**



**Phụ lục I**  
**THÔNG TIN DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH TỪ BỘ XÂY DỰNG VỀ BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**  
(Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Thông tin Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ đã giao	Lũy kế Kế hoạch đầu tư vốn NSTW năm 2021, 2022, 2023 đã bố trí	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 còn lại	
		Thời gian		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
		Khởi công	Hoàn thành		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Trong đó: NSTW
<b>TỔNG SỐ</b>						75.000	1.000	74.000	
<b>Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp</b>						75.000	1.000	74.000	
1	Đầu tư xây dựng ký túc xá cho học sinh sinh viên, hạ tầng kỹ thuật và cảnh quan - Trường CĐ nghề Việt xô số 1	2024	2025	472/QĐ-BXD, 28/4/2021	75.000	75.000	75.000	1.000	74.000



Phụ lục II  
**THÔNG TIN DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH TỪ BỘ XÂY DỰNG VỀ BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**  
*(Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhà tài trợ	Thông tin Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư									Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ đã giao			Lũy kế Kế hoạch đầu tư vốn NSTW năm 2021, 2022, 2023 đã bố trí			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 còn lại			
			Thời gian		TMDT					Trong đó:			Trong đó			Trong đó					
			Khởi công	Hoàn thành	Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài			Tổng số	Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài đưa vào cân đối NSTW	Tổng số	Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài đưa vào cân đối NSTW	Tổng số	Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài đưa vào cân đối NSTW	
							Tổng số	Trong đó NSTW:	Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt											
									Trong đó												
						Đưa vào cân đối NSTW		Vay lại													
<b>TỔNG SỐ</b>																					
<b>Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp</b>																					
1	Dự án thành phần 11 Trường Cao đẳng Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh thuộc dự án Chương trình kỹ năng và kiến thức cho tăng trưởng kinh tế toàn diện	ADB	2020	2024	1409/QĐ-LĐTĐKH 30/10/2018 992/QĐ-BXD ngày 28/7/2020	160.509	29.366	29.366	5,78 triệu USD	131.143	118.029	13.114	140.300	22.300	118.000	26.590	1.150	25.440	113.710	21.150	92.560



**Phụ lục III**  
**THÔNG TIN DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH TỪ BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO HÒA LẠC VỀ THÀNH PHỐ HÀ NỘI**  
*(Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

TT	Danh mục dự án	Thông tin Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ đã giao	Lũy kế Kế hoạch đầu tư vốn NSTW năm 2021, 2022, 2023 đã bố trí	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 còn lại	
		Thời gian		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
		Khởi công	Hoàn thành		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Trong đó: NSTW
<b>TỔNG SỐ</b>						<b>2.123.000</b>	<b>1.122.631</b>	<b>1.000.369</b>	
<b>Khoa học, công nghệ</b>						<b>2.122.000</b>	<b>1.122.631</b>	<b>999.369</b>	
1	Dự án xây dựng Khu Tái định cư Nam tính lộ 420 Khu công nghệ cao Hòa Lạc- Giai đoạn I	2009	2018	2423/QĐ-UBND, 13/2/2007; 1044/QĐ-UBND, 21/4/2008; 1488/QĐ-UBND, 3/6/2008; 2586/QĐ-UBND, 21/7/2008; 851/QĐ-UBND, 20/2/2009; 7517/QĐ-UBND, 30/11/2012; 6540/QĐ-UBND, 19/9/2017; 13718/VPCP-KTTH, 26/12/17	290.565	290.565	110.000	27.069	82.931
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đất dịch vụ (đất ở) tại Khu Đà Sen, xã Bình Yên.	2014	2017	6340/QĐ-UBND, 22/10/2013	78.745	63.337	4.000	2.108	1.892
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đất dịch vụ (đất ở) tại Khu Sau Đình, Đồi Mới, xã Tân Xã.	2014	2021	6341/QĐ-UBND, 22/10/2013; 8055/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	104.091	85.927	17.366	10.175	7.191

TT	Danh mục dự án	Thông tin Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ đã giao	Lũy kế Kế hoạch đầu tư vốn NSTW năm 2021, 2022, 2023 đã bố trí	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021- 2025 còn lại	
		Thời gian		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
		Khởi công	Hoàn thành		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Trong đó: NSTW
4	Dự án Bồi thường, hỗ trợ GPMB cho toàn bộ phần diện tích Khu công nghệ cao Hoà Lạc trên địa bàn huyện Thạch Thất	2013	2025	2214/QĐ-UBND, 15/12/2006; 2946/QĐ-UBND, 28/7/2008; 5779/QĐ-UBND, 25/9/2013; 13718/VPCP-KTTH, 26/12/17; 3603/QĐ-UBND ngày 19/7/2021	5.338.581	5.338.581	1.477.322	979.959	497.363
5	Dự án GPMB Khu Tái định cư Quân đội	2009	2013	QĐ 3003/QĐ-UBND ngày 31/8/2009; QĐ 1870/QĐ-UBND ngày 17/5/2012; Số 7517/QĐ-UBND ngày 31/11/2012	559.066	559.066	100.315	100.315	-
6	Dự án hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật Khu Công nghệ cao Hòa Lạc	2023	2026	2375/QĐ-BKHCHN ngày 24/9/2021	621.465	621.465	363.446	2.005	361.441
7	Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống thu gom nước thải Khu CNC Hòa Lạc từ khu vực phía Nam đại lộ Thăng Long về nhà máy xử lý nước thải tại phía Bắc đại lộ Thăng Long	2022	2024	2403/QĐ-CNCHL ngày 28/9/2021	49.551	49.551	49.551	1.000	48.551
	<b>Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội</b>						<b>1.000</b>	<b>-</b>	<b>1.000</b>
8	Dự án xây dựng trụ sở làm việc Ban quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc	2022	2025		245.000	245.000	1.000	-	1.000

**Phụ lục IV**  
**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSTW (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
*(Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

TT	Danh mục dự án	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025			
		Điều chỉnh giảm		Điều chỉnh tăng	
		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
<b>I</b>	<b>Bộ Xây dựng</b>				
1	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	95.150	92.560		
<b>II</b>	<b>Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội</b>				
2	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp			95.150	92.560
<b>III</b>	<b>Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc</b>				
1	Khoa học, công nghệ	999.369			
2	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	1.000			
<b>IV</b>	<b>Thành phố Hà Nội</b>				
1	Khoa học, công nghệ			999.369	
2	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội			1.000	







## Phụ lục V

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSTW (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2024***(Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)**Đơn vị: Triệu đồng*

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch đầu tư công vốn NSTW trong nước năm 2024 đã được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1306/QĐ-TTg ngày 01/11/2024	Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công vốn NSTW năm 2024 theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội		Kế hoạch đầu tư công vốn NSTW trong nước năm 2024 sau điều chỉnh
			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	
1	Ban quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc	180.230	180.230		
2	Thành phố Hà Nội	3.076.340		180.230	3.256.570



Phụ lục VI  
**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
 (Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		Khác ngành lĩnh vực		Tổng số		Trong đó:	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước
<b>TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO</b>														
I		Công nghệ thông tin						60.000	60.000					
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						60.000	-					
a		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025												
1	212000038200	Trang bị cơ sở vật chất tổ chức triển khai phiên tòa trực tuyến	497A-28/11/22	500.000	500.000	500.000		60.000		440.000				
II		Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội (không bao gồm dự án mua mới, xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc, cải tạo, nâng cấp nhà ở, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài).							60.000					
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C												
a		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025												
2	212000034895	TAND tỉnh Cao Bằng	93-04/5/2021 433-18/11/22	125.000	125.000	95.000			20.000	115.000				
3	212000033741	TAND tỉnh Kiên Giang	114-5/5/20 266-31/7/23	145.000	145.000	90.000			40.000	130.000				



Phụ lục VI  
**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
 (Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025					Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		Cùng ngành lĩnh vực		Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Vốn để chuẩn bị đầu tư		Thu hồi vốn ứng trước
<b>VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO</b>								62.346	62.346					
		Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội (không bao gồm dự án mua mới, xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc, cải tạo, nâng cấp nhà ở, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài).						62.346	62.346					
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						62.346	62.346					
		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025						30.159						
1	212000012579	Viện KSND huyện Cẩm Mỹ	36/QĐ- VKSTC; 31/3/2017	20.177	20.177	9.137			78		9.059			
2	212000003676	Viện KSND huyện Chợ mới	826, 29/10/2015	20.564	20.564	8.534			333		8.201			
3	212000003677	Viện KSND TP Bạc Liêu	827,29/10/2015	22.900	22.900	17.900			17.900		-			
4	212000003708	Viện KSND huyện Vị Xuyên	868,29/10/2015	20.108	20.108	4.710			164		4.546			
5	212000011198	Viện KSND huyện Trà Bồng	99,31/10/2019	16.180	16.180	12.389			113		12.276			
6	212000003745	Viện KSND tỉnh Lâm Đồng	670,31/10/2016	61.273	61.273	26.015			378		25.637			
7	212000003747	Viện KSND huyện Bình Gia	893,29/10/2015	24.928	24.928	5.988			584		5.404			
8	212000003752	Viện KSND tỉnh Long An (địa phương hỗ trợ 10 tỷ)	66,22/5/2017	70.021	60.021	13.392			302		13.090			
9	212000003755	Viện KSND huyện Quý Châu	909,29/10/2015	19.938	19.938	10.158			1.213		8.945			
10	212000007484	Viện KSND tỉnh Đắk Lắk (Sử dụng nguồn bán trụ sở tại 63 Quang Trung và 154 Trần Hưng Đạo TP Buôn Ma Thuột tỉnh Đắk Lắk là 30 tỷ)	27,08/3/2017	63.405	63.405	19.466			1.915		17.551			
11	212000003807	Viện KSND huyện Duyên Hải	971,29/10/2015	26.000	26.000	6.679			2.491		4.188			
12	212000024893	Viện KSND huyện Lập Thạch (địa phương hỗ trợ 12,5 tỷ)	942 29/10/2015	25.000	12.500	4.039			214		3.825			
13	212000025144	Viện KSND huyện Đắk Mil (địa phương hỗ trợ 3 tỷ)	52,16/7,2019	24.508	21.508	14.872			127		14.745			
14	212000025146	Viện KSND Quận 5	860,29/10/2015	21.118	21.118	19.641			1.440		18.201			
15	212000025150	Viện Kiểm sát huyện Phú Quốc	884,29/10/2015	29.321	29.321	24.300			294		24.006			
16	212000025152	Viện KSND huyện Hưng Hà	908,29/10/2015	18.908	18.908	13.414			142		13.272			

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025					Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số	Trong đó:		Cùng ngành lĩnh vực		Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước	
17	212000025153	Viện KSNĐ thành phố Đồng Hới	931,29/10/2015	17.191	17.191	11.821			232	11.589				
18	212000025156	Viện KSNĐ huyện Thanh Chương	913,29/10/2015	23.000	23.000	16.813			218	16.595				
19	212000025157	Viện KSNĐ huyện Thạch Thành	922,29/10/2015	18.020	18.020	11.929			1.009	10.920				
20	212000025158	Viện KSNĐ huyện Bá Thước	928,29/10/2015	15.243	15.243	10.493			948	9.545				
21	212000025162	Viện KSNĐ huyện Phú Yên	970,29/10/2015	16.581	16.581	12.081			64	12.017				
b	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025</b>								<b>32.187</b>	<b>62.346</b>				
22	262000001160	VKSND huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa	119/QĐ-VKSTC ngày 03/10/2024	24.000	24.000				6.000	6.000				
23	262000001417	VKSND huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	120/QĐ-VKSTC ngày 03/10/2024	25.000	25.000				6.000	6.000				
24	262000001418	VKSND huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ	121/QĐ-VKSTC ngày 03/10/2024	24.000	24.000				6.000	6.000				
25	262000001419	VKSND thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (địa phương hỗ trợ 50% TMBT)	125/QĐ-VKSTC ngày 03/10/2024	27.000	13.500				2.000	2.000				
26	262000001420	VKSND huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (địa phương hỗ trợ 50% TMBT)	126/QĐ-VKSTC ngày 08/10/2024	31.000	15.500				2.000	2.000				
27	262000001422	VKSND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai: huyện Trảng Bom, Nhơn Trạch, Thống Nhất (địa phương hỗ trợ 50% TMBT)	124/QĐ-VKSTC ngày 03/10/2024	68.000	30.500				6.000	6.000				
28	262000001423	VKSND tỉnh Sơn La (địa phương hỗ trợ 8 tỷ đồng)	122/QĐ-VKSTC ngày 03/10/2024	100.000	92.000				20.346	20.346				
29	262000001444	VKSND huyện Quảng Hòa tỉnh Cao Bằng	123/QĐ-VKSTC ngày 03/10/2024	27.900	27.900				6.000	6.000				
30	262000001453	VKSND thành phố Bạc Liêu tỉnh Bạc Liêu	136/QĐ-VKSTC ngày 16/11/2023	27.980	27.980				8.000	8.000				
31	212000033214	Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ	197,14/10/2020	22.968	22.968	22.468			484	21.984				
32	212000030921	VKSND huyện Tân Linh	255,10/12/2020	19.209	19.209	18.471			241	18.230				
33	212000030922	VKSND thị xã Tân Uyên	77,7/7/2023	26.000	26.000	17.200			10.200	7.000				
34	212000030926	VKSND quận Cái Răng	249,10/12/2020	20.827	20.827	20.127			140	19.987				
35	212000030927	VKSND quận Sơn Trà	257,10/12/2020	19.140	19.140	17.905			405	17.500				
36	212000030985	VKSND huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận	96,26/7/2021	20.000	20.000	973			973	-				
37	212000030986	VKSND HUYỆN TAM NÔNG	266,10/12/2020	21.666	21.666	20.348			215	20.133				

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025					Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Cùng ngành lĩnh vực		Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước	
38	212000030996	Vksnd huyện Tư Nghĩa	262,10/12/2020	18.784	18.784	18.784			4.500		14.284			
39	212000031008	Vksnd huyện Cam Lộ	256,10/12/2020	24.313	24.313	24.313			3.392		20.921			
40	212000036700	VKSND huyện Núi Thành	97,26/7/2021	23.000	23.000	23.000			1.912		21.088			
41	212000003793	Viện KSND huyện Phổ Yên (địa phương hỗ trợ 30%)	143,31/10/2017	22.239	22.239	12.763			3.039		9.724			
42	212000033204	Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn	179,30/9/2020	25.510	25.510	22.510			4.313		18.197			
43	212000030683	VKSND thành phố Hòa Bình (địa phương hỗ trợ 3 tỷ)	241,10/12/2020	13.452	8.952	8.952			37		8.915			
44	212000033208	Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện (địa phương hỗ trợ 10 tỷ đồng)	196,14/10/2020	21.718	11.718	10.506			67		10.439			
45	212000033209	Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy	194,12/10/2020	22.000	22.000	21.500			1.711		19.789			
46	212000033212	Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn	195,12/10/2020	24.044	24.044	23.264			114		23.150			
47	212000033213	Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku	183,30/9/2020	24.216	24.216	23.686			200		23.486			
48	212000030758	VKSND huyện Phú Tân	248,10/12/2020	19.776	19.776	17.929			101		17.528			
49	212000034772	VKSND huyện Đát Đò	259,10/12/2020	7.275	7.275	7.275			143		7.132			



**Phụ lục VI**  
**GIẢI KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
*(Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Vốn để chuẩn bị đầu tư		Thu hồi vốn ứng trước
<b>HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH</b>					<b>10.260</b>	<b>10.260</b>			
I		Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội (không bao gồm dự án mua mới, xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc, cải tạo, nâng cấp nhà ở, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài).				10.260	10.260		
		<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>				10.260	10.260		
a		<b>Chuẩn bị đầu tư</b>				10.260	10.260		
1	262000000289	Xây dựng cơ sở mới của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh		2.285.000	2.285.000	10.260	10.260		



**Phụ lục VI**  
**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
 (Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBĐT		Tổng số	Trong đó:		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Cùng ngành lĩnh vực		Khác ngành lĩnh vực		Tổng số	Trong đó:		
							Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Điều chỉnh giảm		Điều chỉnh tăng
<b>BỘ NGOẠI GIAO</b>										1.271.449	1.267.919	3.530		
I		Công nghệ thông tin							3.719	189				
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C												
a		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025												
1	212000025956	Đầu tư hệ tầng kỹ thuật, thiết bị và phần mềm cấp phát hộ chiếu điện tử trong các đơn vị thuộc Bộ Ngoại giao" - dự án thành phần số 3 thuộc Đề án "Sản xuất và phát hành hộ chiếu điện tử Việt Nam	2689/QĐ-BNG ngày 20/12/2021	276.221	269.768	273.487			3.719			269.768		
b		Chuẩn bị đầu tư												
2	262000004096	Đầu tư hệ tầng công nghệ thông tin, viễn thông phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin, hoạt động chuyển đổi số, Chính phủ số của Bộ Ngoại giao.	3607/QĐ-BNG ngày 27/11/2024	108	108					108		108		
3	212000004096	Xây dựng nền tảng lãnh sự dùng chung cho Bộ Ngoại giao và các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.	3607/QĐ-BNG ngày 27/11/2024	81	81					81		81		
II		Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội (không bao gồm dự án mua mới, xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc, cải tạo, nâng cấp nhà ở, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài).							1.267.730	1.267.730		2.641		
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C							1.267.730	1.267.730		2.641		
a		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025							1.267.730					
4	212000002181	Đầu tư xây dựng trụ sở Bộ Ngoại giao	2511/QĐ-BNG ngày 21/10/2020	6.101.902	6.101.902	2.072.477			1.267.730			804.747		
b		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025								1.267.730				
5	212000037197	Cải tạo trụ sở và nhà ở cán bộ nhân viên Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ	3630/QĐ-BNG ngày 29/11/2024	500.000	500.000	72.987				427.013		500.000		
6	262000004103	Đầu tư mua đất, xây dựng trụ sở Cơ quan đại diện Việt Nam tại Nhật Bản giai đoạn 2-Phần xây dựng	3618/QĐ-BNG ngày 29/11/2024	692.548	42.414					42.414		42.414		
7	262000004104	Mua trụ sở và nhà ở cán bộ nhân viên của Phái đoàn Thương trực Việt Nam tại Liên hợp quốc, New York, Hoa Kỳ	3612/QĐ-BNG ngày 28/11/2024	798.303	798.303					798.303		798.303		
c		Chuẩn bị đầu tư										2.641		
8	262000004097	Mua bất động sản làm trụ sở làm việc và nhà ở cho cán bộ nhân viên Đại sứ quán Việt Nam tại Italia.	3607/QĐ-BNG ngày 27/11/2024	258	258					258		258	258	
9	262000004098	Mua bất động sản làm trụ sở làm việc và nhà ở cho cán bộ nhân viên Đại sứ quán Việt Nam tại Thụy Điển.	3607/QĐ-BNG ngày 27/11/2024	493	493					493		493	493	
10	262000004100	Xây dựng mới trụ sở và nhà ở cho cán bộ nhân viên Đại sứ quán Việt Nam tại Nam Phi.	3607/QĐ-BNG ngày 27/11/2024	922	922					922		922	922	
11	262000004099	Xây dựng mới trụ sở và nhà ở cho cán bộ nhân viên Đại sứ quán Việt Nam tại Thái Lan.	3607/QĐ-BNG ngày 27/11/2024	678	678					678		678	678	
12	262000004102	Cải tạo trụ sở và nhà ở cho cán bộ nhân viên Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Pakse, Lào.	3607/QĐ-BNG ngày 27/11/2024	122	122					122		122	122	
13	262000004101	Cải tạo trụ sở và nhà ở cho cán bộ nhân viên Đại sứ quán Việt Nam tại Malaysia.	3607/QĐ-BNG ngày 27/11/2024	168	168					168		168	168	
III		Giáo dục, đào tạo										888		
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C										888		
a		Chuẩn bị đầu tư										888		

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Ghi chú			
							Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh						
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Cùng ngành lĩnh vực		Khác ngành lĩnh vực			Tổng số	Trong đó:	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước
14	212000004094	Xây dựng mới Cơ sở 2 của Học viện Ngoại giao	3607/QĐ-BNG ngày 27/11/2024	888	888						888	888	888			





Phụ lục VI  
**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
(Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú			
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số	Trong đó:		Khác ngành lĩnh vực			Tổng số	Trong đó:	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước
<b>BỘ TƯ PHÁP</b>														
I		Công nghệ thông tin						90.569	90.569					
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						30.000						
a		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025						30.000						
1	212000028703	Đầu tư hệ thống giao ban trực tuyến cho các cơ quan THADS (các đơn vị còn lại chưa được đầu tư)	958/QĐ-BTP ngày 03/6/2021; QĐ số 643/QĐ-BTP ngày 15/4/2024	30.000	30.000	30.000		30.000						
II		Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội (không bao gồm dự án mua mới, xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc, cải tạo, nâng cấp nhà ở, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài).						60.569						
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						60.569						
a		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025						60.569						
2	212000028708	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở số 10 Phan Văn Trường, quận Cầu Giấy, Hà Nội	917/QĐ-BTP ngày 03/6/2021; QĐ số 643/QĐ-BTP ngày 15/4/2024	30.000	30.000	30.000		30.000						
3	212000037123	Đầu tư trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Đồng Nai	1683/QĐ-BTP ngày 12/9/2024	79.100	79.100	109.669		30.569		79.100				
III		Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp							90.569					
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C							90.569					
a		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025							90.569					
4	212000013902	Cơ sở 2 Đại học Luật Hà Nội	931/QĐ-TTg 05/9/2024; 1069/QĐ-TTg 16/6/2016; 2154/QĐ-BTP 31/10/2017; QĐ số 2376/QĐ-BTP ngày 09/10/2023	1.798.367	1.349.426	850.663			90.569	941.232				



Phụ lục VI  
**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
 (Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

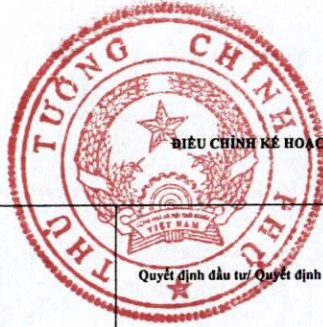
STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBĐT		Tổng số	Trong đó:		Cùng ngành lĩnh vực		Tổng số		Trong đó:	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước
<b>BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b>														
		<b>Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp</b>						75.500	75.500					
		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025						75.500	75.500					
1	212000037103	Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho Khối trường khu vực TP HCM và Tây nguyên	3245 21/7/2021 4615 30/11/22	335.000	330.000	139.831			37.000	176.831				
2	212000037037	Đầu tư cơ sở vật chất cho Khối trường khu vực Trung du và miền núi phía Bắc, Bắc ĐBSH	3237 21/7/2021	629.703	627.703	587.000			38.500	625.500				
3	212000037036	Đầu tư cơ sở vật chất cho Khối trường khu vực Hà Nội và Nam ĐBSH	3238 21/7/2021 3567 21/9/22	520.000	515.000	515.000		75.500		439.500				



Phụ lục VI  
**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
 (Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số	Trong đó:			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB			
						Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước		
<b>BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ</b>											
<b>Quy hoạch</b>											
<b>a</b>											
<b>Nhiệm vụ quy hoạch</b>											
1	212000032253	Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050		118.000	118.000	118.000		43.930	74.070		
		Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội						43.930			
<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>											
<b>a</b>											
<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025</b>											
2	212000032387	Cải tạo, nâng cấp hệ thống Phòng cháy và chữa cháy Trụ sở các cơ quan thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Lô D25 Tôn Thất Thuyết, Cầu Giấy, Hà Nội	Quyết định số 1178/QĐ-BKHĐT ngày 17/5/2024	42.252	42.252	300		41.952	42.252		
3	212000056736	Xây dựng cơ sở Nghiên cứu khoa học của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại lô D25 KĐT Cầu Giấy - Hà Nội	96/QĐ-BKHĐT ngày 17/01/2013	220.413	220.413			1.978	1.978		



Phụ lục VI  
**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
(Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Bộ Tài chính

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Tên dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú								
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Cùng ngành lĩnh vực		Khác ngành lĩnh vực			Tổng số	Trong đó:						
									Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước					
<b>BỘ TÀI CHÍNH</b>																					
<b>I Công nghệ thông tin</b>																					
Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C																					
<b>a Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025</b>																					
1	212000037164	Thay thế hệ thống Quản lý thuế tập trung đáp ứng tải thiết kế quy trình nghiệp vụ	421/QĐ-BTC ngày 06/3/2024	585.576	585.576	397.376			97.376		300.000										
2	212000037169	Triển khai hạ tầng kỹ thuật hệ thống xử lý tập trung truy cập từ xa cho cán bộ thuế	1334/QĐ-BTC ngày 14/7/2021	113.000	113.000	113.000			113.000												
3	212000000029	Nâng cấp hệ thống máy chủ và lưu trữ dữ liệu cho ứng dụng TMS	2059/QĐ-BTC ngày 04/9/2024	175.914	175.914	-				175.914		175.914									
4	212000000030	Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo Bộ Tài chính	2052/QĐ-BTC ngày 04/9/2024	34.462	34.462	-				34.462		34.462									
Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội (không bao gồm dự án mua sắm, xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc, cải tạo, nâng cấp nhà ở, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài).																					
Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C																					
<b>a Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025</b>																					
5	212000000021	Chi cục Thuế Quận 10	QĐ 1433/QĐ-TCT ngày 26/9/2023	185.409	185.291	-						45.538	45.538								
6	212000000022	Chi cục Thuế quận Kiến An - An Lão	QĐ 1144/QĐ-TCT ngày 26/7/2022	70.269	70.269	-						17.000	17.000								
7	212000000023	Chi cục Thuế khu vực Tĩnh Biên - Tri Tôn	QĐ 1821/QĐ-TCT ngày 17/11/2022	36.218	36.218	-						9.000	9.000								
8	212000000024	Chi cục Thuế huyện Cẩm Khê (Khu vực Cẩm Khê - Yên Lập) (CTMR)	QĐ 1366/QĐ-TCT ngày 12/8/2022	35.900	35.900	-						8.000	8.000								
9	212000000025	Chi cục Thuế huyện Ea H'Leo - KRông Búk	QĐ 1377/QĐ-TCT ngày 15/8/2022	35.704	35.704	-						8.000	8.000								
10	212000000026	Chi cục Thuế khu vực Duy Tiên - Lý Nhân	QĐ 1739/QĐ-TCT ngày 29/11/2021	44.903	44.903	-						11.000	11.000								
11	212000000027	Chi cục Thuế khu vực Hưng Nguyên - Nam Đàn	QĐ 1717/QĐ-BTC ngày 30/10/2020	49.886	49.886	-						12.000	12.000								
12	212000000028	Chi cục Thuế huyện Đắk Rông	QĐ 1826/QĐ-TCT ngày 09/12/2021	23.765	23.765	-						6.000	6.000								
14	212000056582	CTMR Chi cục Thuế TP Quảng Ngãi - Sơn Tịnh	1376/QĐ-TCT ngày 15/8/2022	60.868	60.768	18.000						22.000	40.000								
15	212000056583	Chi cục Thuế khu vực Phước Sơn - Nam Giang	2355a/QĐ-TCT ngày 28/10/2016 2049/QĐ-BTC ngày 04/9/2024	27.385	27.385	7.300						10.700	18.000								
16	212000056584	Chi cục Thuế quận Nam Từ Liêm	1717/QĐ-BTC ngày 30/10/2020 2049/QĐ-BTC ngày 04/9/2024	80.432	80.432	17.000						35.000	52.000								
17	212000056585	Chi cục Thuế KV I (Năm Căn - Ngọc Hiển) - tỉnh Cà Mau (CTMR)	1390/QĐ-TCT ngày 23/8/2022	21.376	21.376	7.000						8.000	15.000								
18	212000056586	Chi cục Thuế Phú Lý - Kim Bảng	1030/QĐ-TCT ngày 06/7/2022	82.395	82.395	17.000						40.762	57.762								

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Ghi chú			
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số	Trong đó:		Cùng ngành lĩnh vực		Khác ngành lĩnh vực			Tổng số	Trong đó:	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước
19	212000056587	Chi cục Thuế TP Hạ Long- Hoành Bồ	1717/QĐ-BTC 30/10/2020 2049/QĐ-BTC ngày 04/9/2024	93.200	93.100	20.000					39.000	59.000				
20	212000056588	Chi cục Thuế thị xã Phú Mỹ	1375/QĐ-TCT ngày 15/8/2022	40.478	40.478	8.000					19.000	27.000				
21	212000056589	Chi cục Thuế Ninh Hải (CCT KV Ninh Hải - Thuận Bắc)	1749/QĐ-TCT ngày 01/12/2021 2049/QĐ-BTC ngày 04/9/2024	26.496	26.496	9.000					9.000	18.000				



Phụ lục VI  
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025  
(Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Cùng ngành lĩnh vực		Tổng số		Trong đó:	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước
<b>BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI</b>														
I		Giao thông						112.320	97.320					
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						112.320	97.320					
a		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025						112.320						
1	212000022810	Tuyến đường bộ nối cao tốc Hà Nội-Hải Phòng với cao tốc Cầu Giẽ-Ninh Bình	2865/QĐ-BGTVT 28/12/2018; 595/QĐ-BGTVT 20/4/2021	3.755.040	3.755.040	1.523.861			112.320		1.411.541			
b		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025								26.117				
6	212000056662	Dự án đường Hồ Chí Minh đoạn tránh Chư Sê, tỉnh Gia Lai	226/QĐ-BGTVT 08/3/2024	276.037	276.037					26.117	26.117			
c		Chuẩn bị đầu tư								71.203				
2	212000056653	Tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng	0	6.000	6.000					6.000	6.000	6.000		
3	212000056654	Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu	0	8.953	8.953					8.953	8.953	8.953		
4	212000056655	Hầm Khau Co (trên QL279)	0	1.693	1.693					1.693	1.693	1.693		
5	212000056656	Dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ 14D tỉnh Quảng Nam	0	4.612	4.612					4.612	4.612	4.612		
7	212000056663	Đầu tư Quốc lộ 24 các đoạn còn lại trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Kon Tum	0	2.175	2.175					2.175	2.175	2.175		
8	212000056664	Nạo vét luồng tàu vào khu bến cảng Nghi Sơn, khu kinh tế Nghi Sơn (mở rộng luồng Nghi Sơn)	0	3.910	3.910					3.910	3.910	3.910		
9	212000056665	Nâng cấp tuyến Quảng Ninh - Hải Phòng - Thái Bình - Nam Định - Ninh Bình qua sông Luộc (Hành lang đường thủy số 2)	0	643	643					643	643	643		
10	212000056666	Dự án Nâng cấp kênh Mương Khai - Đốc Phủ Hiến	0	2.997	2.997					2.997	2.997	2.997		
11	212000056687	Dự án đầu tư xây dựng cầu Cẩn Thơ 2 và đường dẫn hai đầu cầu	0	3.050	3.050					3.050	3.050	3.050		
12	212000056688	Dự án xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Đức Hòa - Mỹ An	0	4.750	4.750					4.750	4.750	4.750		
13	212000056689	Cải tạo, nâng cấp QL.45	0	1.952	1.952					1.952	1.952	1.952		
14	212000056690	Cải tạo, nâng cấp QL.49	0	1.000	1.000					1.000	1.000	1.000		
15	212000056691	Đầu tư nâng cấp Quốc lộ 27 các đoạn còn lại Km0+000-Km174+000 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Ninh Thuận	0	2.747	2.747					2.747	2.747	2.747		
16	212000056692	Dự án nâng cấp mở rộng QL29 qua địa bàn tỉnh Phú Yên và Đắk Lắk	0	7.138	7.138					7.138	7.138	7.138		
17	212000056693	Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1 đoạn qua các tỉnh Sóc Trăng, Bạc Liêu	0	2.724	2.724					2.724	2.724	2.724		
18	212000056694	Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 54 qua các tỉnh Vĩnh Long, Trà Vinh	0	4.616	4.616					4.616	4.616	4.616		
19	212000056695	Dự án đầu tư xây dựng Quốc lộ 60 đoạn qua tỉnh Trà Vinh	0	2.245	2.245					2.245	2.245	2.245		

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số	Trong đó:		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Cùng ngành lĩnh vực		Tổng số	Trong đó:		
									Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Vốn để chuẩn bị đầu tư		Thu hồi vốn ứng trước
20	212000056696	Đầu tư nạo vét tuyến luồng và đê chắn sóng Nam Đồ Sơn (giai đoạn khởi động)	0	9.998	9.998				9.998	9.998	9.998			



Phụ lục VII  
**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
**CHO CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG)**  
*(Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Nhà tài trợ	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư								Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao				Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung				Ghi chú		
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMBT		Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:									
						Trong đó: vốn NSTW		Tinh bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt		Tổng số		Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	Vốn đối ứng nguồn NSTW		Tổng số	Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW						
						Tổng số	NSDP		Đưa vào	Vay lại					Điều chỉnh tăng			Trong đó: để thu hồi vốn ứng trước	Tổng số		Trong đó: Giao vốn để thực hiện CBBT					
																						Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Điều chỉnh giảm	Tổng số
<b>BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI</b>																										
		Giao thông																								
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C																								
		Dự án khởi công mới																								
1	211000038022	Nâng cấp, cải tạo 03 tuyến Quốc lộ (53, 62, 91B) tại Đồng bằng sông Cửu Long, sử dụng vốn vay WB	WB	646/QĐ-TTg 07/6/2023	7.158.060	1.554.820	1.554.820	242,23 triệu USD	5.603.240	5.603.240																





**PHỤ LỤC VI**  
**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
(Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số	Trong đó:		Khác ngành lĩnh vực		Tổng số		Trong đó:	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước
<b>BỘ XÂY DỰNG</b>														
<b>I Công nghệ thông tin</b>														
<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>														
a		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025							1.637					
1	212000030379	Dự án xây dựng nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung (LGSP) Bộ Xây dựng	456/QĐ-BXD, 27/4/2021	10.000	10.000	10.000			1.637	-	8.363			
<b>II Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội (không bao gồm dự án mua mới, xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc, cải tạo, nâng cấp nhà ở, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài).</b>														
<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>														
a		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025							34.000	-				
2	212000030381	Đầu tư, nâng cấp Trụ sở Bộ Xây dựng	458/QĐ-BXD, 27/4/2021	125.000	125.000	125.000			34.000		91.000			
<b>III Quy hoạch</b>														
<b>Nhiệm vụ quy hoạch</b>														
a		Dự án Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn	236/QĐ-BXD ngày 11/3/2021	37.750	37.750	21.530			734		20.796			
4	212000017493	Dự án Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng	215/QĐ-BXD ngày 01/3/2021	22.420	22.420	22.420			3.275		19.145			
<b>IV Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp</b>														
<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>														
a		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025								39.646				
5	212000037299	Đầu tư nâng cấp nhà hiệu bộ, nhà học, hạ tầng kỹ thuật, cảnh quan Trường đại học xây dựng miền Tây (Khu A)	507/QĐ-BXD, 05/6/2024	109.615	109.615	69.969				39.646	109.615			



## Phụ lục VI

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
 (Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số	Trong đó:		Khác ngành lĩnh vực		Tổng số		Trong đó:	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước
<b>BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ</b>														
I		<b>Khoa học, công nghệ</b>							10.260					
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C							10.260					
a		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025							10.260					
1	212000032035	Đầu tư nâng cao năng lực kỹ thuật Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 giai đoạn 2021-2025	Quyết định số 2373/QĐ-BKHCHN ngày 24/9/2021	450.000	150.000	108.000			10.260		97.740			



**Phụ lục VII**  
**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
**CHO CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG)**  
*(Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư							Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT					Tổng số	Trong đó:		Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án	Tổng số	Trong đó:					
					Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)			Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	Vốn đối ứng nguồn NSTW			Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW					
					Tổng số	Trong đó		Tinh bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt							Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			
						NSTW	NSDP		Tổng số										Trong đó:	
<b>BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ</b>																				
		Khoa học, công nghệ											310.772							
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C											310.772							
		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025											310.772							
1	211000003385	Trung tâm Nghiên cứu khoa học công nghệ hạt nhân	75/QĐ-TTg ngày 19/11/2018, Quyết định 36/QĐ-TTg ngày 15/5/2020	7.966.000	602.000	602.000				7.394.000	7.394.000		3.121.658	380.000	2.741.658	310.772	2.810.886	380.000	2.430.886	



**Phụ lục VI**  
**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
 (Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025								Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBĐT		Tổng số	Trong đó:		Cùng ngành lĩnh vực		Khác ngành lĩnh vực		Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Vốn để chuẩn bị đầu tư		Thu hồi vốn ứng trước
<b>BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b>																
Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp																
Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C																
Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025																
1	212000001438	Cải tạo, xây dựng trường thực nghiệm Khoa học giáo dục - Viện Khoa học giáo dục Việt Nam	5094/QĐ-BGDĐT (31/10/2013), 1352/QĐ-BGDĐT (15/5/2019), 1140/QĐ-BGDĐT (01/4/2021)	104.406	104.406	23.765			15.043			2.629		6.093		
2	212000001441	Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu đô thị Đại học tại xã Đông Ngạc, xã Cổ Nhuế, xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, tp Hà Nội - trường Đại học Mỏ - Địa chất	7819/QĐ-BGDĐT (27/10/2009), 5041/QĐ-BGDĐT (31/12/2019), 1143/QĐ-BGDĐT (01/4/2021)	190.407	190.407	10.000			9.974					26		
3	212000024701	Tiểu dự án 2 Bồi thường, giải phóng mặt bằng khu vực phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng của Đại học Đà Nẵng (giai đoạn 2018-2020) thuộc Dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật và các công trình cấp thiết cho Đại học Đà Nẵng tại Hòa Quý - Điện Ngọc	2148/QĐ-BGDĐT (30/7/2020)	749.973	749.973	275.000			1.392					273.608		
4	212000016812	Dự án đầu tư xây dựng Nhà làm việc và Nhà thư viện các trường thuộc Đại học Huế	2149/QĐ-BGDĐT (30/7/2020)	125.700	100.560	88.504			1.691					86.813		
<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025</b>																
5	212000036746	Dự án đầu tư xây dựng tòa nhà làm việc đa năng tại cơ sở 1 - Trường Đại học Vinh	1543/QĐ-BGDĐT (13/5/2021)	150.000	40.000	40.000			40.000					-		
7	212000027109	Dự án đầu tư xây dựng công trình nhà học đa năng tại cơ sở 5 (A1 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP.HCM) - Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh	1549/QĐ-BGDĐT (13/5/2021)	90.000	70.000	70.000			70.000					-		
8	212000038192	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Cơ sở II - Trường Đại học Vinh	4618/QĐ-BGDĐT (29/12/2022)	797.972	797.972	797.972			549.849					248.123		
9	262000000147	Dự án bồi thường giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng cấp thiết của Đại học Thái Nguyên	2018/QĐ-BGDĐT ngày 16/10/2024	606.394	549.476						100.000			100.000		
10	262000000148	Dự án Đầu tư xây dựng Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu đô thị Đại học tại xã Đông Ngạc, xã Cổ Nhuế, xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là phường Đức Thắng, phường Cổ Nhuế 2, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội - khu vực Trường Đại học Mỏ - Địa chất và khu Ký túc xá dùng chung)	3001/QĐ-BGDĐT (18/10/2024)	435.216	268.931						70.000			70.000		
11	262000000149	Dự án Bồi thường, giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu vực 31,05 ha tại phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng - Đại học Đà Nẵng	2829/QĐ-BGDĐT (14/10/2024)	794.653	794.653						65.641			65.641		
12	262000000150	Dự án Đầu tư xây dựng mới Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh	981/QĐ-BGDĐT (30/3/2016), 2689/QĐ-BGDĐT (30/9/2024)	428.847	428.847						67.498			67.498		

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025								Ghi chú			
				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh							
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Cùng ngành lĩnh vực		Khác ngành lĩnh vực			Tổng số	Trong đó:	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước
13	262000000151	Dự án Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất tiếp nhận từ Trường Cao đẳng Sư phạm Ninh Thuận Trường Đại học Nông lâm Thành phố Hồ Chí Minh tại Ninh Thuận	2488/QĐ-BGDDT (12/9/2024)	14.910	14.910					14.910			14.910				
14	262000000152	Dự án đầu tư Cải tạo, nâng cấp Ký túc xá K7 - Trường Đại học Nha Trang	2504/QĐ-BGDDT (13/9/2024)	14.925	14.925					14.925			14.925				
15	262000000154	Dự án xây dựng cải tạo Ký túc xá tập trung của sinh viên sư phạm - Trường Đại học Sư phạm Huế	2499/QĐ-BGDDT (13/9/2024)	14.935	14.935					14.935			14.935				
16	262000000155	Dự án xây dựng cải tạo Ký túc xá tập trung của sinh viên Đại học Huế	2502/QĐ-BGDDT (13/9/2024)	14.945	14.945					14.945			14.945				
17	262000000156	Dự án đầu tư xây dựng Ký túc xá sinh viên Trường Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng	2500/QĐ-BGDDT (13/9/2024)	14.970	14.970					14.970			14.970				
18	262000000157	Dự án Cải tạo sửa chữa Nhà 1 và Nhà 2 Ký túc xá sinh viên - Trường Đại học Sư phạm thuộc Đại học Đà Nẵng	2498/QĐ-BGDDT (13/9/2024)	14.960	14.960					14.960			14.960				
19	262000000158	Dự án cải tạo, sửa chữa Ký túc xá C3 - Trường Đại học Quy Nhơn	2501/QĐ-BGDDT (13/9/2024)	14.900	14.900					14.900			14.900				
20	262000000159	Dự án Cải tạo sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất tại trụ sở cơ quan Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2025	2385/QĐ-BGDDT (30/8/2024)	14.950	14.950					14.950			14.950				
21	262000000160	Dự án Sửa chữa, nâng cấp nhà Ký túc xá sinh viên D6 - Trường Đại học Hà Nội	2544/QĐ-BGDDT (17/9/2024)	14.980	14.980					14.980			14.980				
22	262000000161	Dự án Cải tạo, nâng cấp khu nhà giảng đường B1, B2 - Học viện Quản lý giáo dục	2487/QĐ-BGDDT (12/9/2024)	14.825	14.825					14.825			14.825				
23	262000000162	Dự án Cải tạo, nâng cấp ký túc xá 5 tầng tại cơ sở Khoái Châu - Trường Đại học sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên	2491/QĐ-BGDDT (12/9/2024)	14.848	14.848					14.848			14.848				
24	262000000163	Dự án cải tạo, nâng cấp ký túc xá A2 và các hạng mục phụ trợ cho Lưu học sinh nước ngoài tại Trung tâm Phát triển giáo dục quốc tế - Cục Hợp tác quốc tế	2642/QĐ-BGDDT (25/9/2024)	14.800	14.800					14.800			14.800				
25	262000000164	Dự án Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất Nhà A5, A8 Ký túc xá sinh viên - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	2525/QĐ-BGDDT (16/9/2024)	14.920	14.920					14.920			14.920				
26	262000000165	Dự án Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất Trường THCS&THPT Nguyễn Tất Thành - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	2524/QĐ-BGDDT (16/9/2024)	14.995	14.995					14.995			14.995				
27	262000000166	Dự án Cải tạo, sửa chữa Ký túc xá sinh viên S4 - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	2508/QĐ-BGDDT (13/9/2024)	14.998	14.998					14.998			14.998				
28	262000000167	Dự án Cải tạo, sửa chữa Ký túc xá Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	2505/QĐ-BGDDT (13/9/2024)	14.975	14.975					14.975			14.975				
29	262000000168	Dự án đầu tư sửa chữa, nâng cấp Giảng đường Nhà A16 Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp - Đại học Thái Nguyên	2485/QĐ-BGDDT (12/9/2024)	14.789	14.789					14.789			14.789				
30	262000000169	Dự án Cải tạo nhà ký túc xá H1 Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	2486/QĐ-BGDDT (12/9/2024)	14.750	14.750					14.750			14.750				
31	262000000170	Dự án Cải tạo, nâng cấp công trình Ký túc xá số 3 và các hạng mục phụ trợ - Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội	2489/QĐ-BGDDT (12/9/2024)	14.820	14.820					14.820			14.820				
32	262000000171	Dự án Sửa chữa cơ sở vật chất Nhà A6 ký túc xá Trường Đại học Giao thông vận tải	2414/QĐ-BGDDT (05/9/2024)	14.990	14.990					14.990			14.990				
33	262000000172	Dự án Cải tạo nhà ở Ký túc xá X2 và Nhà thi đấu tại 72 Trần Đại Nghĩa, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội - Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	2415/QĐ-BGDDT (05/9/2024)	14.999	14.999					14.999			14.999				
34	262000000173	Dự án đầu tư Cải tạo sửa chữa, nâng cấp Nhà làm việc C12 Trường Đại học Mỏ - Địa chất	2507/QĐ-BGDDT (13/9/2024)	14.982	14.982					14.982			14.982				
35	262000000174	Dự án Cải tạo, nâng cấp Ký túc xá (Khu nhà D) và hạng mục phụ trợ - Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp	2503/QĐ-BGDDT (13/9/2024)	14.889	14.889					14.889			14.889				
36	262000000175	Dự án Cải tạo, sửa chữa tòa nhà ký túc xá số 2 và tòa nhà ký túc xá số 3 tại cơ sở 1 - Trường Đại học Vinh	2506/QĐ-BGDDT (13/9/2024)	14.965	14.965					14.965			14.965				

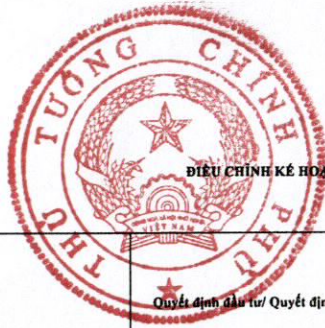
STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025								Ghi chú
							Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh				
							Cùng ngành lĩnh vực		Khác ngành lĩnh vực		Tổng số		Trong đó:		
							Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước			
Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành		TMBĐT		Tổng số	Trong đó:		Cùng ngành lĩnh vực		Khác ngành lĩnh vực		Tổng số	Trong đó:			
Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước					
37	26200000176	Dự án Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Nhà bếp nhà ăn, Nhà Giảng đường B1-B và Ký túc xá số 4 Trường Hữu Nghị T78	2413/QĐ-BGDĐT (05/9/2024)	14.759	14.759				14.759			14.759			
38	26200000177	Dự án Cải tạo, sửa chữa và nâng cấp Nhà ở học sinh 3 tầng (nhà B1) và Nhà ký túc xá 3 tầng (nhà B6) Trường Hữu nghị 80	2490/QĐ-BGDĐT (12/9/2024)	14.988	14.988				14.988			14.988			
39	26200000179	Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư Dự án xây dựng trụ sở mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo đến khu vực Tây Hồ Tây, Hà Nội	1141/QĐ-BGDĐT (15/4/2024), 469/QĐ-QLCDA (26/4/2024)	8.000	8.000				8.000			8.000	8.000		
40	26200000180	Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Tòa nhà A2 Trung tâm Phát triển giáo dục và Công nghệ số - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	2492/QĐ-BGDĐT (12/9/2024), 3593/QĐ-ĐHSPHN	3.600	3.600				3.600			3.600	3.600		
41	26200000181	Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư Dự án Đầu tư xây dựng Giảng đường G - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	2509/QĐ-BGDĐT (13/9/2024), 2033/QĐ-ĐHSPHN2 (04/10/2024)	3.000	3.000				3.000			3.000	3.000		
42	26200000182	Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư Dự án Mở rộng không gian cơ sở vật chất phục vụ đào tạo cho cơ sở chính tại Phân hiệu Long An Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	2546/QĐ-BGDĐT (17/9/2024), 2910/QĐ-ĐHSP (25/9/2024)	3.027	2.600				2.600			2.600	2.600		
c		<b>Chuẩn bị đầu tư</b>							65						
6	21200027098	Dự án đầu tư xây dựng Đại học Huế giai đoạn III	4782/QĐ-BGDĐT (29/12/2020)	1.411	1.400	1.400			65			1.335	1.335		
II		<b>Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</b>									63				
		<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>									63				
a		<b>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025</b>									63				
43	21200001459	Đầu tư xây dựng công trình Trung tâm Khảo nghiệm và chuyển giao giống cây trồng vật nuôi khu vực miền núi phía Bắc trường Đại học Nông Lâm Đại học Thái Nguyên	4858/QĐ-BGDĐT (24/10/2014), 4773/QĐ-BGDĐT (29/12/2020)	44.265	44.265	2.500					63	2.437			
III		<b>Quy hoạch</b>							2.950		7.608				
a		<b>Nhiệm vụ quy hoạch</b>							2.950		7.608				
44	212000016808	Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	1531/QĐ-BGDĐT (13/5/2021)	7.000	7.000	7.000					6.189	811			
45	212000016809	Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyển đổi đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	1638/QĐ-BGDĐT (28/5/2021)	5.000	5.000	5.000			2.950		1.419	631			
IV		<b>Công nghệ thông tin</b>							11.700	11.700		10.300			
		<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>							11.700	11.700		10.300			
a		<b>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025</b>							11.700						
47	212000036748	Dự án thành phần 1 Xây dựng hệ thống trung tâm quản lý điều hành giáo dục thuộc dự án Xây dựng hệ thống trung tâm quản lý, điều hành giáo dục và đào tạo và triển khai các giải pháp phát triển Chính phủ điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo	2147/QĐ-BGDĐT (30/7/2020), 3246/QĐ-BGDĐT (29/10/2020), 1604/QĐ-BGDĐT (25/5/2021)	106.173	100.000	90.000			11.700			78.300			
b		<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025</b>								11.700		10.300			
48	262000000178	Dự án Xây dựng phần mềm chấm thi trắc nghiệm, phần mềm quản lý thư viện/ngân hàng câu hỏi thi và hỗ trợ ra đề thi phục vụ kỳ thi tốt nghiệp THPT từ năm 2025	2479/QĐ-BGDĐT (12/9/2024)	22.800	22.800				11.700		10.300	22.000			



Phụ lục VII  
**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
**CHO CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CẢN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG)**  
*(Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư						Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú			
			TMĐT						Tổng số	Trong đó:		Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án	Tổng số	Trong đó:						
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW						Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	Vốn đối ứng nguồn NSTW	Tổng số		Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	
					Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)													
					Tổng số	Trong đó		Tính bằng nguyên tệ		Quy đổi ra tiền Việt										
NSTW	NSDP	Tổng số				Trong đó:														
						Đưa vào	Vay lại			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng									
<b>BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b>																				
I		Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp											20.092							
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C											20.092							
a		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025											20.092							
1	21100002220	Xây dựng trường ĐH Việt Đức	4596/QĐ-BGDĐT (02/11/2017), 5766/QĐ-BGDĐT (24/11/2015), 3641/QĐ-BGDĐT (12/11/2020)	3.141.294	3.141.294	291.000	137.504.716 USD	2.850.294	2.850.294				9.094		18.904	18.904				
2	21100002485	Chương trình phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông (ETEP)	956/QĐ-TTg (30/5/2016), 1822/QĐ-BGDĐT (31/5/2016)	1.035.000	1.035.000	67.500	43 triệu USD	967.500	967.500				3.671		150.285	150.285				
3	21100002486	Dự án nâng cao chất lượng giáo dục đại học (SAHEP)	1340/QĐ-BGDĐT (19/4/2017)	1.248.882	1.248.882	18.225	60 triệu USD	1.230.657	1.118.152	112.505	1.026.931	13.913		6.525	1.020.406	7.388	1.013.018			
4	211000037963	Dự án Giáo dục trung học cơ sở khu vực khó khăn nhất, giai đoạn 2	358/QĐ-TTg (10/3/2014), 405/QĐ-TTg (19/3/2021), 1340/QĐ-BGDĐT (20/5/2022)	2.153.508	2.153.508	126.271	174.757 USD	1.852.480	1.852.480					802	570.327	49.157	503.646			



Phụ lục VI  
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025  
(Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành		TMĐT		Tổng số	Trong đó:		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú		
			Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Trong đó:		Cùng ngành lĩnh vực		Khác ngành lĩnh vực		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm		Điều chỉnh tăng		Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước
<b>BỘ Y TẾ</b>																
I		<b>Y tế, dân số và gia đình</b>								199.000	199.000	13.800	13.800			
		<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>								199.000	199.000	13.800	13.800			
a		<b>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025</b>								19.000		13.800				
1	212000012892	Bệnh viện Lão khoa TW ( cơ sở 2)	504; 17/4/2017; 4872,31/10/20 17	950.000	950.000	743.451				19.000		13.800		710.651		
b		<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025</b>								180.000	180.000					
2	212000038238	Dự án mua sắm trang thiết bị y tế tại Bệnh viện K cơ sở Quán Sứ	1210 3/3/2023	199.984	180.000	180.000				180.000						
3	262000000217	Dự án mua sắm trang thiết bị Y tế tại Bệnh viện K cơ sở Tân Triều	169, 22/01/2024	199.361	180.000						180.000			180.000		
c		<b>Chuẩn bị đầu tư</b>									19.000					
4	212000038247	Dự án đầu tư phát triển Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ thành Trung tâm y tế chuyên sâu của vùng		2.000	2.000						2.000			2.000		
5	212000000124	Dự án đầu tư Xây dựng mới cơ sở 2 Bệnh viện Mắt TW		6.000	6.000						6.000			6.000		
6	212000000125	Dự án xây dựng mới Viện Pháp y tâm thần TW tại Hà Nội (giai đoạn 2)		2.000	2.000						2.000			2.000		
7	212000000126	Dự án xây dựng trụ sở phân viện Pháp y tâm thần Bắc miền Trung tại xã Nghi Liên, Thành phố Vinh		4.000	4.000						4.000			4.000		
8	212000000127	Dự án xây dựng Viện Huyết học truyền máu TƯ cơ sở 2		5.000	5.000						5.000			5.000		
II		<b>Quy hoạch</b>										1.600				
a		<b>Nhiệm vụ quy hoạch</b>										1.600				
9	262000001452	Lập quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045	3751; 27/8/2020	6.186	6.186							1.600	1.600			
III		<b>Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp</b>										7.000				
		<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>										7.000				
a		<b>Chuẩn bị đầu tư</b>										7.000				
10	212000000138	Dự án xây dựng ký túc xá Trường Đại học Y tế công cộng		2.000	2.000						2.000		2.000	2.000		
11	212000000137	Dự án nâng cấp Trường Đại học Y Dược Cần Thơ thành trường Đại học trọng điểm quốc gia giai đoạn I		5.000	5.000						5.000		5.000	5.000		
IV		<b>Công nghệ thông tin</b>										5.200				
a		<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>										5.200				
		<b>Chuẩn bị đầu tư</b>										5.200				
12	212000000142	Dự án: Chuyển đổi số tại Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ giai đoạn 2024-2027		2.500	2.500						2.500		2.500	2.500		
13	212000000143	Dự án nâng cấp hệ thống thông tin Bệnh viện Tâm thần TƯ I		1.700	1.700						1.700		1.700	1.700		
14	212000000144	Dự án chuyển đổi số trong lĩnh vực truyền thông dân số		1.000	1.000						1.000		1.000	1.000		





**Phụ lục VI**  
**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
(Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

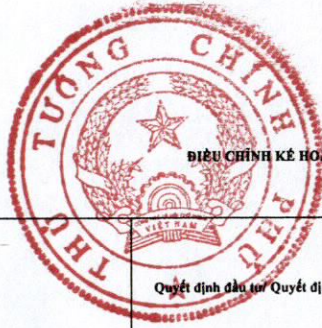
STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBĐT		Tổng số	Trong đó:		Khác ngành lĩnh vực		Tổng số		Trong đó:	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước
<b>THANH TRA CHÍNH PHỦ</b>														
I		Công nghệ thông tin								32.958	32.958			
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C								32.958	-			
a		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025								32.958				
1	212000031394	Mua sắm hệ thống thiết bị chuyển mạch tăng, chuyển mạch lõi	393/QĐ-TTTP ngày 15/7/2021	13.717	13.717	13.717				13.675		42		
2	212000031399	Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập	395/QĐ-TTTP ngày 15/7/2021	23.107	23.107	20.496				19.283		1.213		
II		Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội (không bao gồm dự án mua mới, xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc, cải tạo, nâng cấp nhà ở, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài).									32.958			
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C									32.958			
a		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025									32.958			
3	212000056511	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc cục III - Thanh tra Chính phủ	513/QĐ-TTTP ngày 26/9/2024	32.958	32.958						32.958	32.958		



**Phụ lục VI**  
**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
(Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Ghi chú			
							Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh							
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Cùng ngành lĩnh vực		Tổng số	Trong đó:				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Vốn để chuẩn bị đầu tư		Thu hồi vốn ứng trước		
<b>VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM</b>																
<b>Khoa học, công nghệ</b>																
<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>																
<b>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025</b>																
1	21200006589	Xây dựng cơ sở hạ tầng Trạm Đa dạng sinh học Mê Linh	1904/QĐ-VHL, 29/10/2018	55.000	55.000	35.099			1.100		33.999	165.000	165.000	503.516	6.000	-
2	21200006592	Khu Công nghệ cao tại Khu Cổ Nhuế	1905/QĐ-VHL, 29/10/2018	75.000	75.000	35.884			7.500		28.384	165.000	165.000	503.516	6.000	-
<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025</b>																
3	212000028384	Phòng thí nghiệm phát triển công nghệ hệ thống tự hành thông minh	2313/QĐ-VHL 16/11/2019	150.000	150.000	35.651			34.518		1.133	165.000	165.000	503.516	6.000	-
4	212000028425	Trung tâm Công nghệ sinh học quốc gia miền Bắc (Giai đoạn 1)	732/QĐ-VHL 01/5/2021	150.000	150.000	31.882			31.882			165.000	165.000	503.516	6.000	-
5	212000037059	Phòng thí nghiệm trọng điểm về công nghệ sinh học	902/QĐ-VHL 25/5/2021	177.000	177.000	177.000			60.000		117.000	165.000	165.000	503.516	6.000	-
6	212000037060	Phòng thí nghiệm trọng điểm hướng Vật lý, tự động hóa	903/QĐ-VHL 25/5/2021	188.000	188.000	188.000			30.000		158.000	165.000	165.000	503.516	6.000	-
7	212000056449	Tăng cường trang thiết bị nghiên cứu chuyên ngành tại Trung tâm nghiên cứu tiên tiến và sáng tạo Hòn Chông	858/QĐ-VHL ngày 24/04/2024	25.000	25.000					25.000	25.000	165.000	165.000	503.516	6.000	-
8	212000056450	Phòng thí nghiệm chuyên sâu phục vụ nghiên cứu và phát triển các sản phẩm thiên nhiên	860/QĐ-VHL ngày 24/04/2024	50.000	50.000					50.000	50.000	165.000	165.000	503.516	6.000	-
9	212000056451	Trung tâm đổi mới sáng tạo công nghệ phía Nam của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	861/QĐ-VHL ngày 24/04/2024	19.000	19.000					19.000	19.000	165.000	165.000	503.516	6.000	-
10	212000056452	Xây dựng cơ sở thực nghiệm và phát triển công nghệ biển tại Đồ Sơn	857/QĐ-VHL ngày 24/04/2024	30.000	30.000					30.000	30.000	165.000	165.000	503.516	6.000	-
11	212000056453	Cải tạo cơ sở phục vụ hội nghị, hội thảo khoa học của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	859/QĐ-VHL ngày 24/04/2024	40.000	40.000					35.000	35.000	165.000	165.000	503.516	6.000	-
<b>Chuẩn bị đầu tư</b>																
12	212000056454	Nâng cấp, cải tạo mạng lưới quan sát động đất phục vụ công tác báo tin động đất và cảnh báo sóng thần và phòng tránh giảm nhẹ thiên tai ở Việt Nam		1.000	1.000					1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	
13	212000056455	Xây dựng Cơ sở nghiên cứu Viện Khoa học vật liệu		1.000	1.000					1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	
14	212000056456	Xây dựng Cơ sở nghiên cứu Viện Công nghệ sinh học		1.000	1.000					1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	
15	212000056457	Cải tạo, sửa chữa nhà A3 Viện Công nghệ thông tin		1.000	1.000					1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	
16	212000056458	Cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu và hỗ trợ đào tạo của Học viện KH-CN		1.000	1.000					1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	
17	212000056459	Trung tâm nghiên cứu và Văn phòng làm việc của Viện Hàn lâm tại Quốc Oai		1.000	1.000					1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	



Phụ lục VI  
**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
 (Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025								Ghi chú			
			Quyết định chủ trương đầu tư			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh							
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số	Trong đó:		Cùng ngành lĩnh vực		Khác ngành lĩnh vực		Tổng số		Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: NSTW	Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm			Điều chỉnh tăng	Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước
Tổng số	Tổng số																
<b>KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC</b>																	
		Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội (không bao gồm dự án mua mới, xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc, cải tạo, nâng cấp nhà ở, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài).							6.367	6.367							
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C							6.367	6.367							
		Chuẩn bị đầu tư							6.367	6.367							
1	212000017052	Dự án đầu tư xây dựng công trình Trụ sở cơ quan KTNN khu vực III	1967/QĐ- KTNN, 31/12/2019	147.675	147.675	86.488			6.367				80.121				
2	212000000002	Dự án Đầu tư xây dựng mới Trụ sở KTNN		3.297.272	3.297.272						1.967		1.967	1.967			
3	212000000003	Dự án xây dựng mới trụ sở KTNN khu vực VI		345.975	345.975						2.400		2.400	2.400			
4	212000000004	Dự án xây dựng mới trụ sở KTNN khu vực XII		300.000	300.000						2.000		2.000	2.000			



## Phụ lục VI

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
(Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Ghi chú
								Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh				
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số	Trong đó:		Cùng ngành lĩnh vực		Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước	
<b>ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI</b>														
<b>I</b>		<b>Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp</b>								20.540	20.540			
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C								20.540	20.540			
<b>a</b>		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025								20.540	20.540			
1	212000038185	Dự án ĐTXD Trường Đại học Khoa học Tự nhiên (QG-HN07) (đầu tư Zone 1, Zone 2, Zone 3)	515/QĐ-ĐHQGHN ngày 22/2/2023	470.000	470.000	470.000				20.540		449.460		
<b>b</b>		Chuẩn bị đầu tư								20.540				
2	262000000185	Dự án Đầu tư xây dựng Trường Đại học Việt Nhật	-	24.026	24.026					20.540		20.540	20.540	



**PHỤ LỤC VI**  
**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
 (Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Chi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số	Trong đó:		Cùng ngành lĩnh vực		Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Vốn để chuẩn bị đầu tư		Thu hồi vốn ứng trước
<b>ĐẠI HỌC QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH</b>														
I		Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp							99.955	99.955				
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C							99.955	99.955				
a		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025							99.955	99.955				
1	212000037071	Đầu tư xây dựng nâng cao năng lực nghiên cứu, tăng cường trang thiết bị phòng thí nghiệm cơ bản và chuyên ngành cho chương trình đào tạo ngành đặc thù của Phân hiệu ĐHQG-HCM tại tỉnh Bến Tre	1263, 14/10/2021	100.000	100.000	100.000			99.955		45			
2	212000000120	Cải tạo Ký túc xá (Trí Tôn, Tịnh Biên, Tân Châu, An Phú, Châu Đốc), Nhà khách Quốc tế và phòng học Dãy N Trường Đại học An Giang	470/QĐ-ĐHQG ngày 13/5/2024	35.000	35.000					35.000	35.000			
3	212000000121	Cải tạo, nâng cấp Thư viện Trung tâm Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh - Giai đoạn 1	469/QĐ-ĐHQG ngày 13/5/2024	65.678	64.955					64.955	64.955			

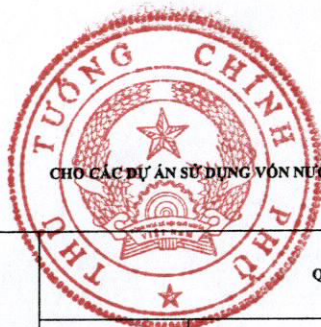


**Phụ lục VI**  
**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
(Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú	
								Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh			
								Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:		
Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBĐT		Tổng số	Trong đó:		Khác ngành lĩnh vực		Tổng số	Trong đó:				
	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước			
<b>TỈNH CAO BẰNG</b>													
<b>I Công nghệ thông tin</b>													
<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>													
<b>a Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025</b>													
1	212000029110	Chuyển đổi, chuẩn hóa, tạo lập cơ sở dữ liệu các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2025	1238/QĐ-UBND, 15/7/2021	50.000	50.000	31.814			31.314		500		
<b>II Văn hóa</b>													
<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>													
<b>a Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025</b>													
2	212000037259	Tu bổ, nâng cấp khu lưu niệm đồng chí Hoàng Đình Giọng	1239/QĐ-UBND, 15/7/20021	30.186	25.657	25.657			3.000		22.657		
<b>III Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</b>													
<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>													
<b>a Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025</b>													
3	212000029308	Bảo vệ phát triển rừng giai đoạn 2021-2025	2473/QĐ-UBND, 09/12/2020	60.000	60.000	60.000			23.000		37.000		
4	212000029325	Cấp nước sinh hoạt một số xã vùng cao, tỉnh Cao Bằng	2471/QĐ-UBND, 09/12/2020	110.000	110.000	110.000			5.000		105.000		
<b>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025</b>													
5	212000030717	Kê chống sạt lở bờ sông Bằng, bảo vệ khu dân cư thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	1411/QĐ-UBND, 29/8/2019	88.832	88.832	9.832			132		9.700		
6	212000031673	Kê chống sạt lở bờ, ổn định dân cư bờ phải Sông Hiến, thành phố Cao Bằng	860/QĐ-UBND, 28/5/2020	100.000	90.000	65.000			10.000		55.000		
7	212000031676	Nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy rừng tỉnh Cao Bằng	1976/QĐ-UBND, 30/10/2015	69.132	50.000	41.000			6.541		34.459		
<b>IV Giao thông</b>													
<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>													
<b>a Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025</b>													
1	212000025911	Nâng cấp, cải tạo đường Nà Pồng- Đức Hạnh (cầu qua Sông Gâm), huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	2672/QĐ-UBND, 25/12/2020; 1387/QĐ-UBND ngày 24/10/2024	273.206	273.206	236.040			22.814		258.854		
<b>V Khu công nghiệp và khu kinh tế</b>													
<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>													
<b>a Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025</b>													
									56.173				
									56.173				
									56.173				

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025					Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		Khác ngành lĩnh vực		Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh			Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước	
									Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng				
9	212000032065	Hạ tầng cửa khẩu Trà Lĩnh (khu tái định cư và hệ thống đường giao thông)	1240/QĐ-UBND, 15/7/2021; 18/NQ-HĐND, 25/5/2022; 45/NQ-HĐND, 12/7/2024	156.173	156.173	100.000				56.173	156.173			



**Phụ lục VII**  
**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
**CHO CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG)**  
*(Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư							Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung					
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT						Tổng số	Trong đó:		Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án	Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW			Vốn nước ngoài đưa vào cân đối NSTW	Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW			
					Tổng số	Trong đó		Tinh bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt									Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	
						NSTW	NSDP		Tổng số											Trong đó:
<b>TỈNH CAO BẰNG</b>																				
		Cấp nước, thoát nước											25.216	25.216						
		Dự án khởi công mới											-	11.500						
														11.500						
1	211000038020	Cấp nước sinh hoạt khu vực thị trấn Đồng Khê, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	98/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	12.650	1.150	1.150		11.500	11.500					11.500	11.500		11.500			
		Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản												13.716						
		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025												13.716						
1	211000002166	Hỗ trợ kinh doanh cho nông hộ (CSSP) tỉnh Cao Bằng	1736/QĐ-UBND 23/9/2016; 698/QĐ-UBND 19/5/2017	812.454	336.454	82.797		476.000	387.677	88.323	361.145	61.740	299.405	13.716	374.861	61.740	313.121			
		Công trình công cộng tại các đô thị											25.216							
		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025											25.216							
3	211000001700	Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - thành phố Cao Bằng (Giai đoạn 2)	1944/QĐ-UBND, 29/10/2015; 99/QĐ-UBND 25/01/2017	440.667	55.929	44.743	11.186	384.738	357.806	26.932	81.889		81.889	25.216	56.673		56.673			





**Phụ lục VII**  
**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
**CHO CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG)**  
*(Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư								Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung													
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT								Tổng số	Trong đó:		Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án		Tổng số	Trong đó:										
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng				Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	Vốn nước ngoài đưa vào cân đối NSTW			Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW									
					Tổng số	Trong đó		Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt		Điều chỉnh giảm				Điều chỉnh tăng													
						NSTW	NSDP		Tổng số	Trong đó:																		
						Đưa vào	Vay lại																					
<b>TỈNH BẮC KẠN</b>																												
		Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản												125.029	125.029													
		Dự án khởi công mới													100.000													
1	211000038021	Kè chống sạt lở ứng phó biến đổi khí hậu, bảo vệ dân sinh và phục vụ sản xuất nông nghiệp tỉnh Bắc Kạn	172/QĐ-TTg ngày 07/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ; 20/NQ-HĐND ngày 19/4/2024 của HĐND tỉnh Bắc Kạn	685.142	152.019	152.019	18.076.000 Euro	533.123	483.896	49.227					100.000		100.000		100.000									
		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025												25.029														
2	211000002302	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập	4638, 9/11/2015	89.880	4.505		8.761.701 USD	85.375	79.399	5.976	71.152		71.152	25.029			46.123		46.123									
		Giao thông												100.000	25.029													
		Khởi công mới												100.000														
3	211000037977	Dự án phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc - tỉnh Bắc Kạn	613/QĐ-TTg ngày 20/5/2022	871.606	215.833	215.833	37663000 USD	655.722	590.195	65.577	295.000		295.000	100.000			195.000		195.000									
		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025													25.029													
4	211000002499	Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh vùng Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn- Tiểu dự án tỉnh Bắc Kạn	1205/QĐ-TTg 17/8/2017; Bắc Kạn: 1249/ QĐ-UBND 25/8/2017; 1767/QĐ-UBND 23/10/2018	1.071.289	313.939	139.852	33.750.000 USD	33.750.000 USD	757.350	681.615	75.735	635.364	109.852	525.512	25.029		660.393	109.852	550.541									



**Phụ lục VI**  
**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
*(Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số	Trong đó:		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Chi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh		Trong đó:		
							Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó:			
										Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Vốn để chuẩn bị đầu tư	
Cùng ngành lĩnh vực		Khác ngành lĩnh vực											
<b>TỈNH HÒA BÌNH</b>													
I		<b>Giao thông</b>							122.061	122.061	60.252	60.252	
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C							122.061	122.061	60.252	60.252	
a		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025							9.351	122.061		60.252	
1	212000028538	Đường tránh thị trấn Bo	421/NQ-HĐND; 6/4/2021	300.000	20.000	9.462			9.351				111
2	212000056646	Dự án Đường nối từ đường Trần Hưng Đạo đến phường Dân Chủ kết nối với Quốc lộ 6	335/NQ-HĐND; 08/12/2023	600.000	220.032					122.061			122.061
3	212000028523	Đường Quang Tiến - Thịnh Minh, thành phố Hòa Bình	436/NQ-HĐND; 28/4/2021	430.000	100.000	39.748					60.252		100.000
b		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025							112.710				
4	212000013232	Cải tạo, nâng cấp đường 435 tỉnh Hòa Bình	1644/QĐ-UBND ngày 30/8/2017	756.000	700.000	20.000			7.767				12.233
5	212000001358	Dự án cải tạo đường tỉnh 433, đoạn Km0 - Km23	1161; 27/8/2012; 2049; 24/9/2019	972.293	972.293	177.600			72.600				105.000
6	212000005008	Đường QH7 và QH8 xã Sù Ngòi, TPHB	759/QĐ-UBND 29/03/2016; 358/QĐ-UBND; 26/2/2020	80.000	80.000	37.000			24.056				12.944
7	212000005016	Đường Cùn Phèo - Hang Kia - Quốc lộ 6	782/QĐ-UBND; 30/3/2016; 2725/QĐ-UBND; 03/12/2019	80.000	80.000	26.000			8.287				17.713
II		<b>Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</b>									58.910		
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C									58.910		
		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025									58.910		
1	212000028506	Kế cấp bách chống sạt lở bờ Sông Bôi đoạn thị trấn Chi Nê huyện Lạc Thủy	375/NQ-HĐND; 09/12/2020	160.000	159.000	58.910					58.910		
III		<b>Quốc phòng</b>									1.342		
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C									1.342		
		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025									1.342		
3	212000001383	Đường Kim Sơn - Nam Thượng	2689; 31/10/2013	53.000	53.000	5.734					1.342		4.392



Phụ lục VI  
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025  
(Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025										Ghi chú			
				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao				Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh					
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số	Trong đó:		Cùng ngành lĩnh vực		Khác ngành lĩnh vực			Tổng số	Trong đó:	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước
<b>TỈNH LAI CHÂU</b>																	
I		<b>Giao thông</b>								80.000	80.000	120.430	120.430	987.900			
a		<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>								80.000	80.000			68.342	260.000		
1	212000028462	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025 Đường giao thông từ trung tâm huyện Phong Thổ đến cầu Phiêng Đanh	NQ số 41/NQ-HĐ ngày 10.8.2021	100.000	100.000	50.000							50.000	100.000			
2	212000033645	Đường từ thị trấn Tam Đường đến đường nối TP Lai Châu với cao tốc Nội Bài-Lào Cai, huyện Tam Đường	NQ số 41/NQ-HĐ ngày 10.8.2021	80.000	80.000	61.658							18.342	80.000			
3	262000000183	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường giao thông các xã Pa Vệ Sủ, Pa Ủ, huyện Mường Tè	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 07/12/2023	80.000	80.000				80.000					80.000			
4	212000037297	Đường giao thông liên vùng Pa Vệ Sủ - Pa Ủ, huyện Mường Tè	Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 10/8/2021			80.000			80.000								
II		<b>Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</b>											32.867	377.921			
a		<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>											32.867	377.921			
1	212000024806	Kê chống xói lở bờ sông Đà, bảo vệ mặt bằng khu giáo dục, y tế và dân cư thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn	1362/23.9.20	90.000	90.000	83.000						1.329		81.671			
2	212000024808	Sắp xếp ổn định dân cư 2 xã Tà Tổng và Mù Cá, huyện Mường Tè	1735/4.12.2020	80.000	80.000	80.000						526		79.474			
3	212000012673	Tuyến kê chống xói, lở bảo vệ bờ sông biên giới khu vực mốc 18 (2) đến mốc 19, xã Ka Lăng, huyện Mường Tè	142/31.10.16 1149a/24.9.19	150.000	132.268	98.788						30.146		68.642			
4	212000028330	Sắp xếp, ổn định các điểm dân cư: Mò Lò, Sa Thàng xã Mù Cá, điểm Nậm Kha Á, Pà Khá, U Na 1-2, Tia Ma Mù, Pa Tét xã Tà Tổng, huyện Mường Tè	1734/04.12.2020	164.000	164.000	149.000						866		148.134			
III		<b>Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội (không bao gồm dự án mua sắm, xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc, cải tạo, nâng cấp nhà ở, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài).</b>											4.721	139.745			
a		<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>											4.721	139.745			
5	212000001509	Trụ sở làm việc huyện ủy, HĐND, UBND, trung tâm hội nghị văn hóa huyện Nậm Nhùn	1276, 25/10/2012 139/31.10.16 1150a/24.9.19;138/04.02.2021	170.000	136.000	7.327						132		7.195			
6	212000012671	Trụ sở làm việc huyện ủy, HĐND, UBND, trung tâm hội nghị văn hóa huyện Nậm Nhùn	49/NQ-HĐND ngày 13.12.2020	120.000	108.179	87.139						4.439		82.700			
b		<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025</b>											150	49.850			
7	212000028479	Trung tâm hội nghị văn hóa huyện Nậm Nhùn	49/NQ-HĐND ngày 13.12.2020	50.000	50.000	50.000						150		49.850			
IV		<b>Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp</b>											2.841	12.159			
a		<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>											2.841	12.159			
8	212000001575	Trường chuyên Lê Quý Đôn	1409/30.10.14; 1044/31.7.2020	235.000	204.600	15.000						2.841		12.159			
V		<b>Khu công nghiệp và khu kinh tế</b>											80.000				

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025								Chỉ chú	
							Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh					
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Cùng ngành lĩnh vực		Khác ngành lĩnh vực		Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Vốn để chuẩn bị đầu tư		Thu hồi vốn ứng trước
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C														
a		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025														
9	212000028465	Cầu đa năng cửa khẩu Ma Lù Thàng	NQ số 41/NQ-HĐ ngày 10.8.2021	80.000	80.000	80.000						80.000				
VI		Công trình công cộng tại các đô thị										1	52.088	198.075		
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C										1	52.088	198.075		
a		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025										1	52.088	198.075		
10	212000028475	Hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm hành chính huyện Năm Nhùn (GDIII)	NQ số 41/NQ-HĐ ngày 10.8.2021	100.000	100.000	100.000						1		99.999		
11	212000028361	Hạ tầng đô thị thị trấn Than Uyên	NQ số 41/NQ-HĐ ngày 10.8.2021	100.000	100.000	45.988							52.088	98.076		



**Phụ lục VI**  
**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
*(Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025					Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số	Trong đó:		Khác ngành lĩnh vực		Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Vốn để chuẩn bị đầu tư		Thu hồi vốn ứng trước
<b>TỈNH ĐIỆN BIÊN</b>														
<b>I Khoa học, công nghệ</b>														
<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>														
<b>a Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025</b>														
2	212000034353	Dự án xây dựng nền tảng công nghệ thành phố thông minh tỉnh Điện Biên	Số 22/NQ-HĐND ngày 29/6/2021	110.000	110.000	110.000			402		109.598			
3	212000034354	Xây dựng các cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Điện Biên	Số 23/NQ-HĐND ngày 29/6/2021	100.000	100.000	100.000			6.197		93.803			
<b>II Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội (không bao gồm dự án mua mới, xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc, cải tạo, nâng cấp nhà ở, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài).</b>														
<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>														
<b>a Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025</b>														
6	212000034575	Nhà khách tỉnh Điện Biên	669/QĐ-UBND 20/4/2023; 1678/QĐ-UBND 13/9/2024	150.000	140.000	90.000			-	50.000	140.000			
<b>III Y tế, dân số và gia đình</b>														
<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>														
<b>a Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025</b>														
1	212000012670	Bệnh viện đa khoa huyện Nậm Pồ tỉnh Điện Biên	514/QĐ-UBND ngày 26/5/2018; 964/QĐ-UBND ngày 23/9/2020;	165.000	165.000	85.000			7.817		77.183			
<b>IV Công nghiệp</b>														
<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>														
<b>a Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025</b>														
4	212000034401	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp hỗn hợp xã Áng Tờ, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên	Số 16/NQ-HĐND ngày 29/6/2021	110.000	110.000	40.000			30.840		9.160			
<b>V Quy hoạch</b>														
<b>Nhiệm vụ quy hoạch</b>														
5	212000037006	Lập Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	461/QĐ-UBND ngày 5/4/2021	53.202	44.699	36.882			4.744		32.138			



**PHỤ LỤC VI**  
**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
(Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025					Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Khác ngành lĩnh vực		Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Vốn để chuẩn bị đầu tư		Thu hồi vốn ứng trước
<b>TỈNH NINH BÌNH</b>														
<b>I</b>														
Giao thông														
Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C														
a		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025								274.246	274.246			
1	212000036844	Xây dựng tuyến đường Đông Tây, tỉnh Ninh Bình (giai đoạn I)	19/NQ-HĐ 12/5/2021; 1190/QĐ-UB 29/10/2021	1.486.000	500.000	525.754				274.246	274.246	800.000		
<b>II</b>														
Văn hóa														
Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C														
a		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025								31.871				
2	212000001140	Tu bổ, tôn tạo, nâng cấp một số di tích lịch sử có liên quan đến nhà nước Đại Cồ Việt nhằm phát huy giá trị lịch sử văn hoá Cổ đô Hoa Lư	628/QĐ-TTg 15/4/2016 1444/QĐ-UB 31/10/2016 805/QĐ-UB 5/7/2019	140.988	110.000	35.853				31.871		3.982		
b		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025								242.375				
3	212000036845	Bảo tồn, tôn tạo, khai quật khảo cổ và phát huy giá trị khu di tích Quốc gia đặc biệt Cổ đô Hoa Lư	20/NQ-HĐ 12/5/2021	600.000	200.000	143.392				142.375		1.017		
4	212000036846	Xây dựng tổ hợp Bảo tàng - Thư viện tỉnh Ninh Bình	21/NQ-HĐ 12/5/2021	500.000	100.000	100.000				100.000				



**PHỤ LỤC VI**  
**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
*(Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú			
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBĐT		Tổng số	Trong đó:		Khác ngành lĩnh vực			Tổng số	Trong đó:	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước
<b>TỈNH NGHỆ AN</b>														
<b>I</b>														
Giao thông														
Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C														
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025													
1	212000037305	Cải tạo nâng cấp đường nối ĐT534B từ xã Tân An, huyện Tân Kỳ với ĐT534D tại xã Phú Sơn, huyện Tân Kỳ đi đường Hồ Chí Minh và đi Cây Chanh huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An	18/NQ-HĐND 13/5/2021; 27/NO-HĐND 14/7/2022; 24/NQ-HĐND 7/7/2023; 4067/QĐ-UBND 30/10/2021; 2690/QĐ-UBND 07/9/2022; 3453/QĐ-UBND 24/10/2023 66/NQ-HĐND 29/8/2024	148.823	123.101	105.101				18.000	123.101			
2	212000029621	Dự án đường ven biển từ Nghi Sơn (Thanh Hóa) - Cửa Lò (Nghệ An) - đoạn từ Km7 - Km76	CTĐT NQ số 10/NQ-HĐND 15/4/2021; 2925/QĐ-UBND 13/8/2021 PDDA	4.651.000	3.200.000	3.200.000			152.000	-	3.048.000			
<b>II</b>														
Du lịch														
Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C														
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025													
3	212000037205	Nâng cấp, mở rộng đường Bình Minh thị xã Cửa Lò	18/NQ-HĐND 13/5/2021 4037/QĐ-UBND 29/10/2021 64/NQ-HĐND 29/8/2024	310.000	176.239	155.000				21.239	176.239			
<b>III</b>														
Quốc phòng														
Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C														
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025													
4	212000002811	Nâng cấp tuyến đường giao thông Châu Bình, Châu Thuận, Châu Hội, Châu Nga, huyện Quỳnh Châu	5324/QĐ-UBND 31/10/2016 PDDA, 1372 13/5/2021	120.000	106.290	83.734			3.722		80.012			
<b>IV</b>														
Khu công nghiệp và khu kinh tế														
Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C														
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025													
									13.721					
									13.721					
									2.721					

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Ghi chú					
							Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh								
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số	Trong đó:			Khác ngành lĩnh vực		Tổng số	Trong đó:	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước
5	212000004923	Đường ngang N2-KKT Đông Nam Nghệ An	2195/QĐ-UBND.CN 25/05/2010; 1359/QĐ-UBND 12/5/2021 3788/QĐ-UBND 14/10/2021	405.070	404.131	133.507				2.191		131.316						
6	212000004928	Đường ngang N5 (đoạn 2) trong KKT Đông Nam Nghệ An	2871/QĐ-UBND-CN ngày 25/7/2011; 497/QĐ-UBND 08/2/2017; 1361/QĐ-UBND ngày 12/5/2021; 1878/QĐ-UBND ngày 15/6/2021	750.106	625.918	115.326				281		115.045						
7	212000002793	Hệ thống xử lý nước thải tại KCN Đông Hội (giai đoạn 1)	5039/QĐ-UBND.ĐT 30/10/2015 PDDA; 1363/QĐ-UBND 12/5/2021	120.000	50.000	31.108				249		30.859						
b		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025								11.000								
8	212000037203	Cầu vượt đường sắt tại đường N2 - Khu kinh tế Đông Nam	18/NQ-HĐND 13/5/2021; 3873/QĐ-UBND 20/10/2021	150.000	150.000	150.000				11.000		139.000						
V		Y tế, dân số và gia đình										152.000						
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C										152.000						
a		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025										152.000						
9	212000035781	Xây dựng Bệnh viện Ung Bướu Nghệ An (giai đoạn 2)	09/NQ-HĐND 15/4/2021; 4035/QĐ-UBND 29/10/2021; 2964/QĐ-UBND 29/9/2022; 17/NQ-HĐND 5/5/2023; 2973/QĐ-UBND 20/9/2023; 55/NQ-HĐND 11/7/2024	1.259.000	1.152.000	1.000.000					152.000	1.152.000						





**Phụ lục VII**  
**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
**CHO CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG)**  
*(Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Nhà tài trợ	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư								Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú			
				Số quyết định/ ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMĐT		Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		Tổng số	Trong đó:		Vốn đối ứng nguồn NSTW	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Tổng số	Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW				
						Trong đó: vốn NSTW		Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt		Tổng số		Trong đó:											
						Tổng số	Trong đó		Đưa vào	Vay lại														
							NSTW							NSDP										
<b>TỈNH NGHỆ AN</b>																								
		Tài nguyên																21.796						
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C																	21.796					
		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025																	21.796					
1	211000002361	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Nghệ An	WB	1236/QĐ-BTNMT, 30/5/2016; 930/QĐ-TTg, 30/5/2016	272.980	43.276	25.966				229.704	162.046			115.466	25.966	89.500	21.796			93.670	4.170	89.500	



**PHỤ LỤC VI**  
**ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 (VỐN TRONG NƯỚC) ĐỀ BỔ SUNG CHO CÁC DỰ ÁN MỚI CHƯA ĐƯỢC CHÍNH PHỦ BẢO CÁO QUỐC HỘI**  
*(Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 để bổ sung cho dự án mới chưa được Chính phủ bảo cáo Quốc hội				Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số	Trong đó:		Khác ngành lĩnh vực		Tổng số		Trong đó:	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước
<b>TỈNH HÀ TĨNH</b>														
<b>I</b>		<b>Giao thông</b>								21.471	21.471			
		<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>									21.471			
<b>a</b>		<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025</b>									21.471			
3	212000033782	Đường vành đai phía Đông thành phố Hà Tĩnh	254/NQ-HĐND ngày 08/12/2020; 16/NQ-HĐND ngày 17/7/2021; 192/NQ-HĐND ngày 30/9/2024	1.189.000	490.430	468.959				21.471	490.430			
<b>III</b>		<b>Quốc phòng</b>								1.871				
		<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>								1.871				
<b>a</b>		<b>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025</b>								1.871				
2	212000002889	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh DT.553 đoạn từ Km49+900-Km74+680 (đường Hồ Chí Minh vào Đồn 575, Bán Giàng)	790/QĐ-UBND, 31/3/2016; 246/QĐ-UBND, 26/3/2021; 2798/QĐ-UBND, 5/8/2021	143.376	95.000	78.000				1.871	76.129			
<b>IV</b>		<b>Khu công nghiệp và khu kinh tế</b>								19.600				
		<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>								19.600				
<b>a</b>		<b>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025</b>								19.600				
1	212000010352	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Khu kinh tế Vũng Áng (giai đoạn 1)	3255/QĐ-UBND, 30/10/2014; 3144/QĐ-UBND, 18/9/2020; 2798/QĐ-UBND, 5/8/2021	70.000	50.000	35.000				19.600	15.400			

Phụ lục VII  
**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
**CHO CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN ĐÀ VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG)**  
*(Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư							Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung				
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMBT						Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW						Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW		Vốn nước ngoài đưa vào cân đối NSTW	Tổng số	Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW		
					Tổng số	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)										Quy đổi ra tiền Việt	
						NSTW	NSDP	Tính bằng nguyên tệ	Tổng số									Trong đó:	
						Đưa vào	Vay lại			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng								
<b>TỈNH QUẢNG BÌNH</b>																			
		Cấp nước, thoát nước											11.025	11.025					
		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025											11.025						
1	211000003725	Dự án cấp nước sinh hoạt huyện Quảng Trạch giai đoạn 2	1842/QĐ-TTg ngày 18/11/2020	417.080	54.190		13,693 triệu EURO	362.890	217.734	145.156	217.730		217.730	11.025		206.705	206.705		
		Công trình công cộng tại các đô thị												11.025					
		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025												11.025					
2	211000002464	Dự án môi trường bền vững các thành phố duyên hải - tiểu dự án thành phố Đồng Hới	Số 3520/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; 582/QĐ-TTg 06/04/2016; 1624/QĐ-TTg 25/10/2017	1.294.800	176.200	81.356	50,2 triệu USD	1.118.600	639.280	479.320	420.559	56.356	364.203	11.025		431.584	56.356 375.228		



**Phụ lục VI**  
**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
*(Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị:

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 để bổ sung cho dự án mới chưa được Chính phủ báo cáo Quốc hội					Ghi chú	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		Cùng ngành lĩnh vực		Khác ngành lĩnh vực			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh tăng	Tổng số		Trong đó:
											Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước		
<b>TỈNH THỪA THIÊN HUẾ</b>														
<b>I</b>														
Giao thông														
Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C														
a		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025									1.637			
I	212000027814	Đường Nguyễn Hoàng và cầu Vượt sóng Hương	170/NQ-HĐND ngày 23/12/2020; 60/NQ-HĐND ngày 16/7/2021	1.500.000	800.000	435.412					1.637	437.049		
<b>II</b>														
Văn hóa														
Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C														
a		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025									1.637			
I	212000010700	Phục hồi Điện Kiến Trung-Từ Cẩm Thành	441 ngày 17/3/2016; 3475 ngày 30/12/2016; 72/NQ-HĐND ngày 16/7/2021	123.788	122.000	87.000					1.637	85.363		



**Phụ lục VI**  
**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
(Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số	Trong đó:		Khác ngành lĩnh vực		Tổng số		Trong đó:	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước
<b>TỈNH QUẢNG NAM</b>														
I		Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản						139.302	148.308					
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						14.947	2.500					
a		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025						14.947	2.500					
1	21200005256	Hỗ trợ đầu tư xây dựng đường ô tô lâm nghiệp tỉnh Quảng Nam	1133-30/3/16; 7795/UBND-KTN ngày 31/12/2020	84.481	80.000	22.980		2.500		20.480				
2	21200003117	Bảo vệ phát triển rừng tỉnh Quảng Nam đến năm 2020	2887-6/9/12	635.000	635.000	13.670		4.730		8.940				
3	212000025322	Chống xói lở khẩn cấp và bảo vệ bờ biển xã đảo Tam Hải, huyện Núi Thành (giai đoạn 4)	2380-28/8/20	39.979	39.979	16.000			2.500	18.500				
4	212000025323	Củng cố, nâng cấp tuyến đê ngăn mặn Bình Dương, Bình Đại, Bình Đào	2402-31/8/20	50.000	50.000	20.000		7.456		12.544				
5	212000025317	Điểm DCDC tập trung thôn Dốc Kiền, xã Ba; Hạng mục: Đường giao thông nông thôn (giai đoạn 1: Nền đường và hệ thống thoát nước)	2032-29/7/20	35.000	35.000	12.000		261		11.739				
II		Giao thông						4.000	114.500					
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C							114.500					
a		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025							114.500					
6	212000035191	Cầu Tân Bình và đường tránh Quốc lộ 14E qua nội thị thị trấn Tân Bình	20-16/3/2021; 55-22/7/2021	280.000	252.000	193.000			59.000	252.000				
7	212000035193	Cầu Bình Sa đi Bình Hải (Cầu Tây Giang)	20-16/3/2021; 55-22/7/2021	265.000	238.500	183.000			55.500	238.500				
b		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025						4.000						
8	212000003114	Cầu Giao Thủy	3425-31/10/14; 3862/UBND-KTN ngày 28/6/2021	823.270	500.000	45.188		4.000		41.189				
III		Khu công nghiệp và khu kinh tế						100.512						
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						100.512						
a		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025						100.512						

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025					Ghi chú	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số	Trong đó:		Khác ngành lĩnh vực		Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Vốn để chuẩn bị đầu tư		Thu hồi vốn ứng trước
9	21200003127	Đường trục chính; TDC khu công nghiệp Tam Quang	152-29/10/14	684.475	547.580	4.919			355	4.564				
10	212000010368	Đường trục chính vào khu công nghiệp Tam Thăng mở rộng	185-23/9/16	230.000	207.000	86.136			44.367	41.770				
11	212000010365	Nạo vét luồng vào cảng Kỳ Hà (giai đoạn 2)	205-23/8/16; 904/QĐ-KTM ngày 05/4/2021	199.480	150.000	78.455			55.790	22.665				
IV		<b>Y tế, dân số và gia đình</b>							52					
		<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>							52					
a		Dự án hoàn thành, đã bàn giao, đi vào sử dụng trước năm kế hoạch							52					
12	212000005259	Nâng cấp Bệnh viện Nhi thành Bệnh viện Sản - Nhi	1167-30/3/16	150.274	85.000	9.923			52	9.872				
V		<b>Văn hóa</b>							19.792					
		<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>							19.792					
a		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025							19.792					
13	212000010704	Nâng cấp, mở rộng nhà lưu niệm cụ Huỳnh Thúc Kháng	109-23/5/17	50.000	25.000	20.000			19.792	208				
VI		<b>Quốc phòng</b>							31.308					
		<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>							31.308					
a		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025							31.308					
14	212000026176	Nâng cấp, mở rộng đường Trà Tập - Trà Cang - Trà Linh thuộc vùng ATK	23-19/4/2021; 55-22/7/2021	141.000	136.000	104.692			31.308	136.000				



Phụ lục VII  
**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
**CHO CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI, VỐN ODA VÀ VỐN VAY LƯU ĐÀİ CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG)**  
 (Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Nhà tài trợ	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư								Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung		
				TMĐT								Tổng số	Trong đó:		Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án		Tổng số	Trong đó:			
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)					Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiêu Việt) đưa vào cân đối NSTW		Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiêu Việt) đưa vào cân đối NSTW			
						Tổng số	Trong đó	Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt		Điều chỉnh giảm			Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm			Điều chỉnh tăng			
					NSTW	NSDP		Tổng số	Đưa vào	Vay lại											
<b>TỈNH QUẢNG NAM</b>																					
		Y tế, dân số và gia đình Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C													9.006		3.922	3.922			
		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025													9.006						
1	211000000412	Nâng cao năng lực ngành y tế tỉnh Quảng Nam	ITALIA	1853-13/7/20	107.146	24.989	11.913	3,057 triệu Euro	80.935	80.935	-	81.150	9.006	72.144	9.006			72.144	72.144		
		Môi trường															3.922				
		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025															3.922				
2	211000002015	Hệ thống thoát nước và vệ sinh môi trường khu đô thị Núi Thành tỉnh Quảng Nam	ITALIA	1004, 18/3/2016	307.633	79.312		9,5 triệu EUR	228.321	228.321		170.497		170.497			3.922	166.575	166.575		
		Cấp nước, thoát nước															3.922				
		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025															3.922				
3	211000000465	Thu gom, xử lý nước thải và thoát nước TP Tam Kỳ	WB	1814/QĐ-UBND ngày 24/5/2017	458.052	82.466	61.300	17.698.270 USD	375.586	254.539		19.888	19.888				3.922	23.810	19.888	3.922	

**Phụ lục VI**  
**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
*(Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025								
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBĐT		Tổng số	Trong đó:		Khác ngành lĩnh vực		Tổng số	Trong đó:	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước
<b>TỈNH QUẢNG NGÃI</b>														
<b>I Y tế, dân số và gia đình</b>														
<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>														
<b>a Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025</b>														
1	212000025267	Dự án trung tâm y tế quần dân y kết hợp huyện Lý Sơn	2104/QĐ-UBND ngày 31/12/2019	287.000	287.000	121.901				80.396	202.297			
<b>II Khu công nghiệp và khu kinh tế</b>														
<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>														
<b>a Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025</b>														
2	212000010371	Tuyến đường trục liên cảng Dung Quất 1	2671/QĐ-UBND, 19/12/2016.; 846/QĐ-UBND, 14/6/2019; 118/QĐ-UBND, 20/01/2020; 2106/QĐ-UBND, 30/12/2020	146.876	120.900	16.306			16.306					
<b>III Giao thông</b>														
<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>														
<b>a Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025</b>														
3	212000034804	Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh giai đoạn IIa, thành phần 1	25/NQ-HĐND, 09/12/2019; 43/NQ-HĐND, 21/7/2021	1.200.000	800.000	660.000				140.000	800.000			





**Phụ lục VI**  
**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
*(Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số	Trong đó:		Khác ngành lĩnh vực		Tổng số	Trong đó:		Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước	
<b>TỈNH PHÚ YÊN</b>														
<b>I Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</b>														
<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>														
<b>a Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025</b>														
1	212000025406	Dự án Kê chống xói lở bờ sông Ba, đoạn qua thị trấn Phú Thứ, huyện Tây Hòa	1528/QĐ-UBND, ngày 03/9/2020; 1121/QĐ-UBND ngày 25/8/2021	149.976	149.976	109.978			5.398		104.580			
2	212000005296	Đầu tư hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản Long Thạnh	706/QĐ-UBND, 30/3/2016; 570/QĐ-UBND ngày 26/4/2021	68.830	50.000	26.000			4.437		21.563			
3	212000011548	Bảo vệ và phát triển bền vững rừng tỉnh Phú Yên giai đoạn 2016-2020	2033/QĐ-UBND ngày 18/10/2017; 580/QĐ-UBND ngày 13/4/2020; 498/QĐ-UBND, ngày 06/4/2021; 1599/QĐ-UBND ngày 05/11/2021	71.628	45.998	28.998			25.747		3.251			
<b>II Khu công nghiệp và khu kinh tế</b>														
<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>														
<b>a Dự án hoàn thành, đã bàn giao, đi vào sử dụng trước năm kế hoạch</b>														
4	212000003245	Dự án Tuyến đường Phước Tân - Bãi Ngà, đoạn qua nhà máy lọc dầu Vũng Rô	1785/QĐ-UBND ngày 31/10/2014; 406/QĐ-UBND, ngày 18/3/2021	489.003	350.463	150.000			21.320		128.680			
<b>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025</b>														
5	212000010379	Tuyến nối Quốc lộ 1A đến Khu xử lý rác thải, nước thải và chất thải nguy hại của Khu kinh tế Nam Phú Yên	1466/QĐ-UBND, ngày 25/7/2017; 534/QĐ-UBND, ngày 14/4/2021; 1623/QĐ-UBND ngày 11/11/2021	359.668	354.668	350.668			48.685		301.983			
<b>III Du lịch</b>														
<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>														
<b>a Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025</b>														
6	212000003248	Đường ven Vịnh Xuân Đài, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên (đoạn từ bãi tắm Bàn Than đến KDL Nhất Tự Sơn)	1698/QĐ-UBND, 27/7/2016	90.000	85.000	81.278			6.152		75.126			

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao				Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú			
									Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh					
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Khác ngành lĩnh vực			Tổng số	Trong đó:	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước
IV		<b>Y tế, dân số và gia đình</b>														
		<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>														
a		<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025</b>														
7	212000036642	Đầu tư xây dựng bệnh viện Sản nhi tỉnh Phú Yên	191/NQ-HĐND, 06/12/2019; 26/NQ-HĐND ngày 11/8/2021; 42/NQ-HĐND ngày 19/9/2024	753.283	420.742	200.000				220.742	420.742					
V		<b>Giao thông</b>														
		<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>														
a		<b>Dự án hoàn thành, đã bàn giao, đi vào sử dụng trước năm kế hoạch</b>														
8	212000009679	Tuyến đường tránh lũ, cứu hộ, cứu nạn nối các huyện, thành phố: Tây Hòa, Phú Hòa, thành phố Tuy Hòa và Tuy An (cầu Dinh Ông)	1799/QĐ-UBND, 31/10/14; 97/QĐ-UBND, 22/01/2021	507.617	310.193	40.278				7.000	33.278					
b		<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025</b>														
9	212000036646	Đầu tư, nâng cấp hoàn chỉnh tuyến ĐT.650	21/NQ-HĐND ngày 11/8/2021	300.000	300.000	300.000				62.690	237.310					
10	212000036687	Xây mới cầu Đồng Hội, xã Xuân Quang 1, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên	20/NQ-HĐND ngày 11/8/2021	180.000	180.000	180.000				12.313	167.687					
VI		<b>Công nghệ thông tin</b>														
		<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>														
a		<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025</b>														
11	212000030799	Hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin tỉnh Phú Yên	23/QĐ-HĐND, 31/8/2016; 389/HĐND-KTNS, 09/11/2018	46.000	27.000	27.000				27.000						

**PHỤ LỤC VI**  
**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
*(Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số	Trong đó:		Khác ngành lĩnh vực		Tổng số		Trong đó:	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước
<b>TỈNH KHÁNH HÒA</b>														
I		Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản						88.560	88.560					
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						83.000						
a		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025						83.000						
1	212000029035	Kê bờ biển thị trấn Vạn Giã (giai đoạn 2)	81/NQ-HĐND ngày 28/7/2021	110.000	30.000	30.000		13.000		17.000				
2	212000029039	Kê Sông Cái (đoạn còn lại qua các xã Vĩnh Trung, Vĩnh Ngọc, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Phương)	87/NQ-HĐND ngày 28/7/2021	206.853	70.000	70.000		70.000						
II		Quốc phòng						5.560						
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						5.560						
a		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025						5.560						
3	212000029058	Rà phá bom mìn, vật liệu nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, giai đoạn 2021-2025	2864/QĐ-UBND ngày 21/10/2020	49.656	49.656	49.656		5.560		44.096				
III		Khu công nghiệp và khu kinh tế						-	88.560					
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						-	88.560					
a		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025						-	88.560					
4	212000037408	Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT.652B và ĐT.652D đoạn từ đường ĐT.652 đến Quốc lộ 26B), thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa	80/NQ-HĐND ngày 28/7/2021	817.200	400.000	60.349		-	88.560	148.909				



Phụ lục VI  
**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
 (Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025								Ghi chú					
							Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh									
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Cùng ngành lĩnh vực			Khác ngành lĩnh vực		Tổng số	Trong đó:	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước
<b>TỈNH BÌNH THUẬN</b>																				
		Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản						163.000	163.000	100.000	100.000									
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						163.000	163.000	100.000										
		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025						163.000	163.000	100.000										
1	212000031598	Kênh chính bắc hồ Sông Quao huyện Hàm Thuận Bắc và Bắc Bình	26/NQ-HĐND ngày 11/5/2021	266.782	266.000	266.000		163.000		100.000		3.000								
2	212000000006	Kè chống xâm thực, bảo vệ bờ biển phía bắc đảo Phú Quý	18/NQ-HĐND ngày 15/5/2024	300.000	260.000				163.000			163.000								
		<b>Giao thông</b>									100.000									
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C									100.000									
		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025									100.000									
3	212000000010	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.717 (đoạn từ điểm giao với đường ĐT.766 đến giáp tỉnh Lâm Đồng)	17/NQ-HĐND ngày 15/5/2024	244.811	200.000						100.000	100.000								



## Phụ lục VII

## ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

CHO CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG)

(Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư								Giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT							Tổng số	Trong đó:	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW							Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW
					Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)					
					Tổng số	Trong đó		Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt				
NSTW	NSDP	Tổng số	Trong đó:										
								Đưa vào	Vay lại				
TỈNH NINH THUẬN												103.000	103.000
		Ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản										103.000	103.000
		Khởi công mới										103.000	103.000
1	211000000002	Chống hạn, xói lở, ngập lụt thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Ninh Thuận, sử dụng vốn vay của Cơ quan Phát triển Pháp	19/NQHĐND 30/5/2024	945.279	213.120	-	213.120	28,795 triệu EURO	732.159	387.693	344.466	103.000	103.000

Phụ lục VI  
**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
(Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025								Ghi chú			
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Cùng ngành lĩnh vực		Khác ngành lĩnh vực		Tổng số		Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: NSTW	Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm			Điều chỉnh tăng	Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước
<b>TỈNH ĐẮK NÔNG</b>																	
Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản																	
Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C																	
Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025																	
1	212000028575	Xây dựng Hồ Đăk Na	106/NQ-HĐND 11/5/2021	288.000	288.000	132.817					71.390	61.427					
2	212000028562	Hồ suối 38	107/NQ-HĐND 11/5/2021	89.125	89.125	89.125					837	88.288					
Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025																	
3	21200000688	Chương trình Bảo vệ và Phát triển rừng	1898, 05/12/2011; 1897, 05/12/2011; 1090, 8/6/2009; 755, 9/4/2009; 682, 18/6/2009; 567, 28/4/2009; 674, 6/5/2009; 1771, 23/4/2009; 1627, 9/6/2009; 1116, 13/9/2011	20.474	20.474	1.683					319	1.364					
4	212000012640	Công trình thủy lợi suối Đá xã Quảng Hòa, huyện Đăk G'Long	988/QĐ-UBND, 12/6/2017; 1496/QĐ-UBND ngày 8/9/2021	90.000	78.000	56.000					6.095	49.905					
5	212000012641	Dự án nâng cấp các công trình thủy lợi phòng chống hạn hán tỉnh Đắk Nông	140/HĐND-VP, 22/5/2017; 988/QĐ-UBND 12/6/2017; 1745/QĐ-UBND, 31/10/2017; 1496/QĐ-UBND ngày 8/9/2021	198.500	149.000	31.000					616	30.384					
Khu công nghiệp và khu kinh tế																	
Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C																	
Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025																	
6	21200000695	ĐA cơ sở hạ tầng kỹ thuật bến trong và bến ngoài hàng rào Khu công nghiệp Nhân Cơ	1420/QĐ-UBND, 21/9/2015; Quyết định số 1496/QĐ-UBND ngày 08/9/2021	1.658.088	1.112.666	100.000					69.000						
Công nghiệp																	
Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C																	
Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025																	
7	21200000693	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2014-2020	1643/QĐ-UBND 31/10/2014; 1054/QĐ-UBND ngày 22/7/2020	104.650	91.000	4.750					905	3.845					
Thể dục, thể thao																	
Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C																	
Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025																	
													130.000				
													130.000				
													130.000				

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025										Ghi chú			
				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao				Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi được điều chỉnh					
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Cùng ngành lĩnh vực		Khác ngành lĩnh vực			Tổng số	Trong đó:	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh (tăng)	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh (tăng)			Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước
8	212000028665	Nhà thi đấu tỉnh Đắk Nông	104/NQ-HĐND 11/5/2021; 157/NQ-HĐND 20/8/2021	160.000	160.000	160.000					130.000		30.000				
V		Xã hội									4.000						
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C									4.000						
a		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025									4.000						
9	212000029602	Trung tâm bảo trợ xã hội của tỉnh	249/QĐ-UBND, 26/2/2019	45.000	45.000	44.000					4.000		40.000				
VI		Giao thông							50.838	50.838		283.162					
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C							50.838	50.838		283.162					
a		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025							50.838	50.838		283.162					
10	212000000019	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 1	05/NQ-HĐND 29/03/2024	600.000	600.000					50.838		283.162	334.000				
11	212000037256	Đường giao thông liên xã Năm N'Jang - Trường Xuân - Đắk N'Drung huyện Đắk Song	73/NQ-HĐND 11/5/2021	85.000	85.000	52.387			50.838				1.549				

**Phụ lục VII**  
**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
**CHO CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG)**  
*(Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư								Giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT							Tổng số	Trong đó:	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW							Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW
					Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)						
					Tổng số	Trong đó		Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt				
NSTW	NSDP	Tổng số	Trong đó:										
								Đưa vào	Vay lại				
<b>TỈNH ĐẮK NÔNG</b>											69.772	69.772	
		<b>Môi trường</b>									69.772	69.772	
		<b>Khởi công mới</b>									69.772	69.772	
1	211000038019	Dự án Cải thiện môi trường đô thị các thành phố loại 2 - hợp phần tỉnh Đắk Nông	14/NQ-HĐND ngày 6/7/2023	1.499.213	483.897		483.897	43	1.015.316	710.721	304.595	69.772	69.772



**PHỤ LỤC VI**  
**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
*(Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao				Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số	Trong đó:		Khác ngành lĩnh vực		Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Vốn để chuẩn bị đầu tư		Thu hồi vốn ứng trước
<b>TỈNH KON TUM</b>														
<b>I Công nghiệp</b>														
<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>														
a		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025							11.872	11.872				
1	21200000937	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Kon Tum giai đoạn 2014 - 2020	1072-21/10/2014; 1128-30/10/2018	111.765	95.000	19.483			11.872		7.611			
<b>II Quốc phòng</b>														
<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>														
a		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025							11.872	11.872				
2	212000025432	Đường giao thông tiếp nối với Tỉnh lộ 674 đến đường tuần tra biên giới xã Mô Rai, huyện Sa Thầy	1293-04/11/2016; 1193-02/12/2020; NQ 15-29/4/2022	249.938	236.944	220.072			11.872		231.944			

## Phụ lục V

**GIÁO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
**TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG CỦA KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025**

*(Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao	Giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 từ nguồn dự phòng của Kế hoạch đầu tư công trung hạn NSTW giai đoạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 93/2023/QH15 của Quốc hội	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 sau khi được giao
				Số quyết định; ngày; tháng; năm ban hành	TMĐT				
					Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
	<b>TỈNH BÌNH PHƯỚC</b>							1.500.000	
	<b>Giao thông</b>							1.500.000	
	<b>Dự án quan trọng quốc gia</b>							1.500.000	
	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025</b>							1.500.000	
1	Xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước)	2023	2027	138/2024/QH15 ngày 28/6/2024	25.540.000	10.536.500	8.770.000	1.500.000	10.270.000



Phụ lục VI  
**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
*(Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú			
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		Cùng ngành lĩnh vực			Tổng số	Trong đó:	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước
<b>TỈNH BÀ RIỄN VŨNG TÀU</b>														
I		<b>Giao thông</b>						742.000	742.000					
		<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>						742.000	742.000					
A		<b>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025</b>						742.000	742.000					
1	212000024829	Dự án đầu tư xây dựng công trình Đường 991B từ Quốc lộ 51 đến Hạ lưu cảng Cái Mép, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	2969/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 1579/QĐ-UBND ngày 15/6/2020	3.951.412	3.232.500	2.312.000			742.000		1.570.000			
2	212000000146	Tỉnh lộ 991 nối dài (Từ quốc lộ 51 đến đường liên cảng Cái Mép - Thị Vải)	80/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	1.330.515	1.330.515	-				742.000	742.000			

**Phụ lục VII**  
**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
**CHO CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG)**  
(Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Nhà tài trợ	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư							Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung				
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW		Tổng số	Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	
						Tổng số	Trong đó		Tinh bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt									
							NSTW	NSDP		Tổng số	Trong đó:								
						Đưa vào	Vay lại			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng								
<b>TỈNH TÂY NINH</b>													25.877	25.877					
		Môi trường											25.877						
		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025											25.877						
1	211000002509	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải thành phố Tây Ninh	ITALIA	1634/QĐ-TTg 26/10/2017; 835/QĐ-UBND 12/4/2017; 413/QĐ-UBND ngày 8/2/2018; 2741/QĐ-UBND ngày 12/11/2018; 1912/QĐ-TTg ngày 15/11/2021 (đc); 3147/QĐ-UBND ngày 22/11/2021 (đc)	355.564	93.690	9700000 EURO	261.874	183.312	78.562	142.893	142.893	25.877	168.770		168.770			
		Tài nguyên											25.877						
		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025											25.877						
2	211000002376	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai	WB	1236/QĐ-BTNMT ngày 30/5/2016; 3159/QĐ-UBND ngày 12/4/2017	105.804	16.764	3.828.710 USD	89.040	62.328	26.712	45.773	45.773	25.877	19.896		19.896			

**Phụ lục VII**  
**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
**CHO CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG)**  
(Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Nhà tài trợ	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư							Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung											
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT								Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:							
					Trong đó: vốn NSTW									Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW		Vốn nước ngoài đưa vào cân đối NSTW	Tổng số	Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW				
					Tổng số	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		Tinh bằng nguyên tệ											Quy đổi ra tiền Việt	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng
						Tổng số	NSTW	NSDP	Tổng số															
				Đưa vào	Vay lại																			
<b>TỈNH VĨNH LONG</b>																								
		Y tế, dân số và gia đình										26.000	26.000											
		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025											26.000											
1	21100002503	Đầu tư trang thiết bị Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Long	AUS	943/QĐ-TTg 04/7/2017; 2234/QĐ-TTg ngày 29/12/2020; 109/NQ-HĐND ngày 15/6/2023; 163/NQ-HĐND ngày 22/4/2024	347.903	28.604							197.500	26.000	223.500	223.500								
		Công trình công cộng tại các đô thị										26.000												
		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025										26.000												
2	21100003370	Dự án phát triển đô thị và tăng cường khả năng thích ứng biến đổi khí hậu thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	WB	785/QĐ-TTg ngày 08/6/2020; 3306/QĐ-UBND ngày 09/12/2020	4.731.480	1.305.700							1.941.050	26.000	1.915.050	1.915.050								

Phụ lục VI  
**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
 (Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		Khác ngành lĩnh vực		Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Vốn để chuẩn bị đầu tư		Thu hồi vốn ứng trước
<b>TỈNH KIẾN GIANG</b>														
<b>I</b>														
<b>Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp</b>														
<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>														
<b>a</b>														
<b>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025</b>														
1	212000010821	Trung tâm dịch vụ việc làm	270, 31/10/2017; 139, 12/6/2019; 33, 27/01/2021	45.000	45.000	25.000			8.396		21.496	16.604		
<b>II</b>														
<b>Giao thông</b>														
<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>														
<b>a</b>														
<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025</b>														
2	212000037333	Đường Kết nối để bao ven biển với cầu Thứ ba	38/NQ-HĐND, 27/11/2020; số 27/NQ-HĐND, 30/6/2021; 26/NQ- HĐND, 26/12/2022; 03/NQ-HĐND, 25/6/2024 của HĐND huyện An Biển.	497.000	422.496	401.000					21.496	422.496		

**Phụ lục VII**  
**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
**CHO CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG)**  
*(Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư									Giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT								Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW								Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)	Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW
					Tổng số	Trong đó		Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt							
						NSTW	NSDP		Tổng số	Trong đó:						
						Đưa vào	Vay lại									
<b>TỈNH KIÊN GIANG</b>												138.000		138.000		
		Ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản										138.000		138.000		
		Khởi công mới										138.000		138.000		
1	211000038046	Phát triển thủy sản bền vững tỉnh Kiên Giang	Số 67/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh Kiên Giang	624.000	164.000	-	164.000	24,39 triệu USD	460.000	230.000	230.000	138.000		138.000		

Phụ lục VII  
**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
**CHO CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG)**  
*(Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Nhà tài trợ	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư								Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung											
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT								Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:									
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)					Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW		Vốn nước ngoài đưa vào cân đối NSTW		Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW						
						Tổng số	Trong đó		Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt							Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng								
							NSTW	NSDP		Tổng số	Trong đó:															
						Đưa vào	Vay lại																			
<b>TỈNH BẠC LIÊU</b>																										
		Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản												79.521	79.521											
		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025													79.521											
1	211000002025	Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) - WB9	WB	1940/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	735.695	188.959				546.737	437.390	109.347	202.390		202.390		79.521		281.911					281.911		
		Công trình công cộng tại các đô thị													79.521											
		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025													79.521											
2	211000002599	Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiểu dự án TP Bạc Liêu	WB	519/QĐ-UBND ngày 28/3/2017	1.055.206	257.206	65.000			798.000	421.800	376.200	405.724	65.000	340.724	79.521		326.203	65.000				261.203			